



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM  
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN  
KINH TẾ VĨ MÔ

— SỐ THÁNG 03/2026 —



## MỤC LỤC

<b>PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI</b>	<b>1</b>
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 02/2026	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	8
<b>PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM</b>	<b>9</b>
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 02/2026	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	9
1.1.2. Xuất nhập khẩu	10
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	10
1.1.4. Hoạt động đầu tư	11
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	12
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	13
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	13
1.2.2. Lãi suất	14
1.2.3. Tỷ giá	15
1.2.4. Giá vàng	16
1.2.5. Chứng khoán	17
1.2.6. Lạm phát	18
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	19
2.1. Về chủ trương, chính sách	19
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	21
<b>PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO</b>	<b>22</b>
1. Thị trường dầu thô	22
2. Thị trường khí	31
3. Thị trường phân bón	37
4. Thị trường điện	43
<b>PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b>	<b>46</b>
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 02 năm 2026</i>	48



PHẦN I

## KINH TẾ THẾ GIỚI



### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 02/2026

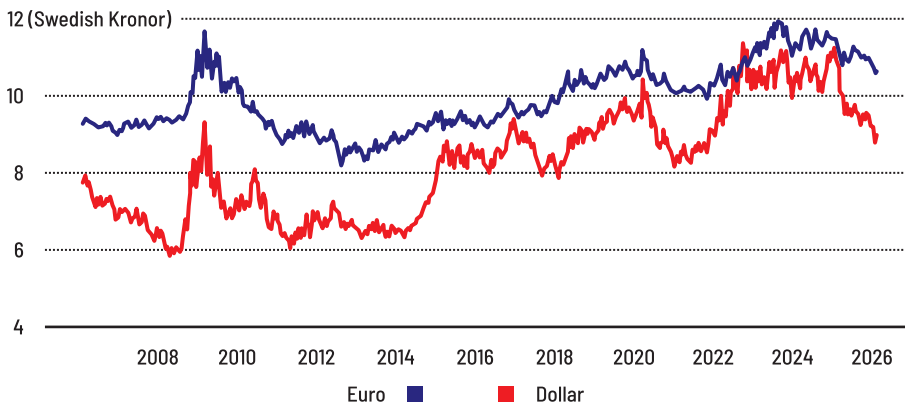
#### 1.1. Tổng quan chung

Tháng 02/2026 chứng kiến áp lực lạm phát tăng dần trên nhiều thị trường chủ chốt, chủ yếu do biến động giá năng lượng và rủi ro địa chính trị. Căng thẳng leo thang ở Trung Đông, đặc biệt là xung đột gần Eo biển Hormuz - tuyến vận tải dầu lửa chiến lược - đã khiến giá dầu Brent tăng mạnh, tạo ra gánh nặng chi phí nhiên liệu và vận tải toàn cầu. Điều này không chỉ đẩy chi phí sản xuất và tiêu dùng lên cao hơn mà còn tạo ra rủi ro tái kích hoạt lạm phát ở châu Âu và khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Đối mặt với các rủi ro từ thị trường năng lượng và diễn biến lạm phát, các thị trường tài chính toàn cầu đã phản ứng khá nhạy bén. Chỉ số cổ phiếu lớn như FTSE 100 ghi nhận mức giảm mạnh kỷ lục trong tháng, thể hiện tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước triển vọng tăng chi phí vốn và giảm kỳ vọng cắt giảm lãi suất.

Trong bối cảnh đó, tại Khu vực đồng euro, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) quyết định duy trì lãi suất cơ bản ở mức 2,00%, đặt trọng tâm vào ổn định lạm phát quanh mục tiêu trung hạn 2%. Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) cũng giữ nguyên lãi suất ở 3,75%, đồng thời để ngỏ khả năng giảm tiếp khi lạm phát dự báo giảm và thị trường lao động hạ nhiệt. Trong khi đó, Ngân hàng Dự trữ Australia (RBA) có động thái thắt chặt với việc tăng lãi suất và tín hiệu khả năng tăng thêm nếu lạm phát không hạ nhiệt, đưa lãi suất lên mức 3,85%.

DIỄN BIẾN CỦA ĐỒNG EURO VÀ DOLLAR SO VỚI ĐỒNG KRONA THỤY ĐIỂN



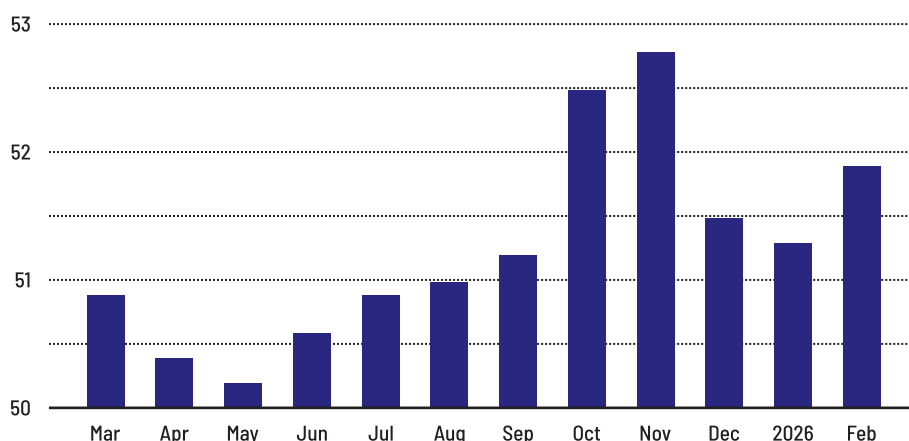
Euro Dollar

Nguồn: Bloomberg

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 03/2026

Dù rủi ro toàn cầu gia tăng, không phải tất cả các khu vực đều chịu tác động tiêu cực đồng đều. Ấn Độ tiếp tục ghi nhận đà mở rộng mạnh mẽ trong ngành sản xuất, với PMI sản xuất tăng lên mức cao nhất trong bốn tháng vào tháng 02/2026, phản ánh nhu cầu nội địa mạnh và triển vọng tích cực của tăng trưởng kinh tế trong quý đầu năm.

### CHỈ SỐ PMI TỔNG HỢP KHU VỰC ĐỒNG EURO



Nguồn: S&P Global

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất toàn cầu trong tháng ghi nhận sự cải thiện rõ nét khi nhiều nền kinh tế chủ chốt đồng loạt quay trở lại vùng mở rộng. Tại Hoa Kỳ, chỉ số *PMI sản xuất của S&P đạt 51,9 điểm (tăng từ mức 50,9 điểm của tháng 1/2026), duy trì đà tăng trưởng nhờ đơn hàng mới và sản lượng cải thiện, dù chi phí đầu vào tăng mạnh*. Khu vực đồng Euro lần đầu vượt ngưỡng 50 điểm sau nhiều tháng suy giảm, phản ánh sự phục hồi tại Đức và một số nền kinh tế công nghiệp trọng điểm. Tại châu Á, Nhật Bản và Hàn Quốc tiếp tục mở rộng sản xuất, trong đó Hàn Quốc ghi nhận tháng tăng trưởng thứ ba liên tiếp nhờ nhu cầu bán dẫn phục hồi.

Ngoài ra, tình hình địa chính trị toàn cầu trong cuối tháng 02 và đầu tháng 03/2026 tiếp tục diễn biến phức tạp, đặc biệt là những diễn biến tại Trung Đông liên quan đến xung đột giữa Iran, Mỹ và Israel. Căng thẳng leo thang đã khiến tuyến vận tải năng lượng chiến lược qua eo biển Hormuz - khu vực vận chuyển khoảng 20% lượng dầu và khí tự nhiên toàn cầu bị gián đoạn nghiêm trọng, khi Iran tuyên bố hạn chế tàu thuyền đi qua khu vực và nhiều hãng vận tải tạm dừng hoạt động vì lo ngại rủi ro an ninh. Hoạt động vận chuyển dầu và LNG từ Trung Đông ra thị trường quốc tế do đó bị ảnh hưởng đáng kể, làm gia tăng rủi ro gián đoạn nguồn cung năng lượng và khiến thị trường dầu khí toàn cầu trở nên biến động mạnh hơn trong ngắn hạn.

### 1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

#### ▪ Mỹ

Trong tháng 02/2026, nền kinh tế Mỹ tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định nhưng vẫn đối mặt với một số áp lực từ lạm phát, chi phí sản xuất và triển vọng chính sách tiền tệ. Theo đó, hoạt động sản xuất và thị trường lao động vẫn giữ được đà tích cực, trong khi lạm phát và chi phí đầu vào tiếp tục là những yếu tố cần theo dõi trong quá trình điều hành chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed).

Trước hết, hoạt động sản xuất của Mỹ trong tháng 02/2026 tiếp tục mở rộng, cho thấy sự phục hồi của lĩnh vực công nghiệp sau giai đoạn suy yếu trước đó. Theo S&P Global, *chỉ số PMI sản xuất đạt 51,6 điểm, giảm so với tháng 1/2026 (52,4) nhưng vẫn cao hơn ngưỡng 50 điểm - mức phân định giữa mở rộng và thu hẹp hoạt động sản xuất*. Sự gia tăng này chủ yếu được thúc đẩy bởi cải thiện trong đơn đặt hàng mới và sản lượng, mặc dù một số chỉ số như việc làm trong ngành sản xuất và tồn kho vẫn còn ở vùng suy giảm. Ngoài ra, chi phí đầu vào của các doanh nghiệp sản xuất tăng đáng kể, phản ánh áp lực giá nguyên liệu và logistics trong chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, áp lực lạm phát tại Mỹ vẫn duy trì ở mức đáng chú ý, đặc biệt thông qua chỉ số giá sản xuất. Dữ liệu gần nhất cho thấy chỉ số giá sản xuất lõi tăng 0,8% theo tháng, trong khi PPI tổng thể tăng 0,5%, cao hơn so với dự báo của thị trường, chi phí đầu vào của doanh nghiệp vẫn đang tăng, có thể tạo áp lực lan tỏa sang giá tiêu dùng trong thời gian tới.

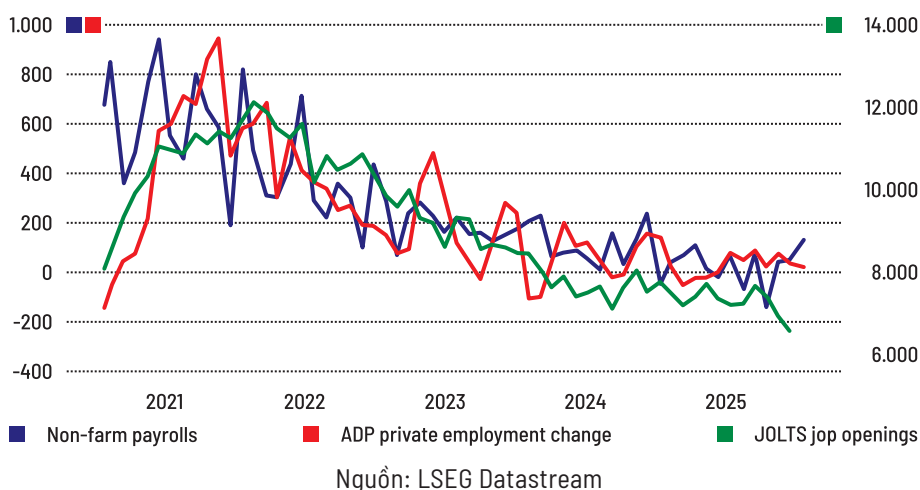
Mặc dù Cục Thống kê Lao động (BLS) công bố dữ liệu việc làm khả quan trong tháng 01/2026, nhưng báo cáo của ADP cho thấy tăng trưởng việc làm khu vực tư nhân chậm chạp, trong khi số lượng việc làm trống theo chỉ số JOLTS giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 9 năm 2020 vào tháng 12. Điều này có nghĩa là cần có thêm những cải thiện trong dữ liệu thị trường lao động để các nhà đầu tư tiếp tục giảm bớt kỳ vọng về việc cắt giảm lãi suất.

Ngoài các yếu tố sản xuất và việc làm, tâm lý người tiêu dùng Mỹ trong tháng 02/2026 cũng có dấu hiệu cải thiện nhẹ. Conference Board cho biết chỉ số niềm tin người tiêu dùng của họ đã tăng lên 91,2 trong tháng 02/2026, so với mức 89 đã được điều chỉnh tăng của tháng trước. Chỉ số đo lường kỳ vọng ngắn hạn của người Mỹ về thu nhập, điều kiện kinh doanh và thị trường việc làm đã tăng 4 điểm lên 72, vẫn thấp hơn nhiều so với mức 80, mức có thể báo hiệu một cuộc suy thoái sắp xảy ra. Đây là tháng thứ 13 liên tiếp chỉ số này ở mức dưới 80.

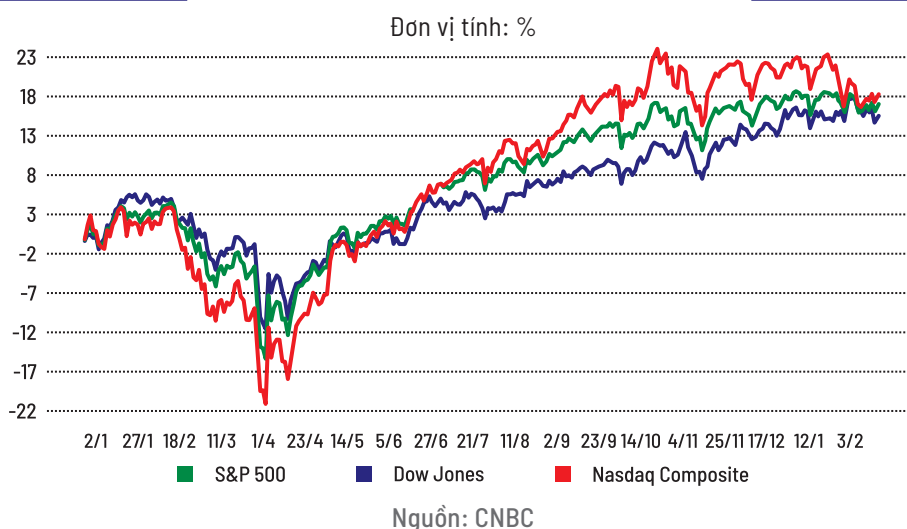
Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán Mỹ trong phiên 24/2, chỉ số S&P 500 nhích tăng 0,77% và đóng cửa ở mức 6.890 điểm. Chỉ số thiên về công nghệ Nasdaq Composite tiến thêm 1,04% và chốt phiên với 22.864 điểm. Chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones Industrial Average tăng 0,76% lên 49.174,50 điểm. Dow Jones được hỗ trợ bởi đà tăng gần 2% của cổ phiếu Home Depot sau khi lợi nhuận của công ty này vượt kỳ vọng lần đầu tiên sau một năm. Cổ phiếu IBM, vốn giảm mạnh trong ngày giao dịch trước đó do lo ngại về AI, cũng góp phần vào đà tăng của Dow Jones.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 03/2026

### CƠ HỘI VIỆC LÀM NFP SO VỚI ADP VÀ JOLTS



### BIẾN ĐỘNG BA CHỈ SỐ CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN MỸ TỪ ĐẦU NĂM 2025 ĐẾN HẾT THÁNG 24/2/2026



#### ▪ Trung Quốc

Trong tháng 02/2026, nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục đối mặt với nhiều tín hiệu trái chiều giữa các khu vực kinh tế. Trước hết, hoạt động sản xuất của Trung Quốc đã giảm tháng thứ hai liên tiếp trong tháng 02/2026, Chỉ số PMI chính thức đã giảm xuống 49,0, mức thấp nhất trong 4 tháng, so với 49,3 trong tháng 01/2026, dưới mốc 50, ranh giới phân định giữa tăng trưởng và suy giảm, và thấp hơn mức dự báo trung bình là 49.

Tuy nhiên, các nhà khảo sát tư nhân lại cho thấy tín hiệu tích cực hơn trong ngành sản xuất, đặc biệt đối với các doanh nghiệp xuất khẩu. Theo khảo sát PMI của S&P Global/Caixin, chỉ số *PMI sản xuất của Trung Quốc trong tháng 02/2026 đạt 52,1 điểm, tăng mạnh so với tháng 1/2026 (50,3 điểm) mức cao nhất trong hơn*

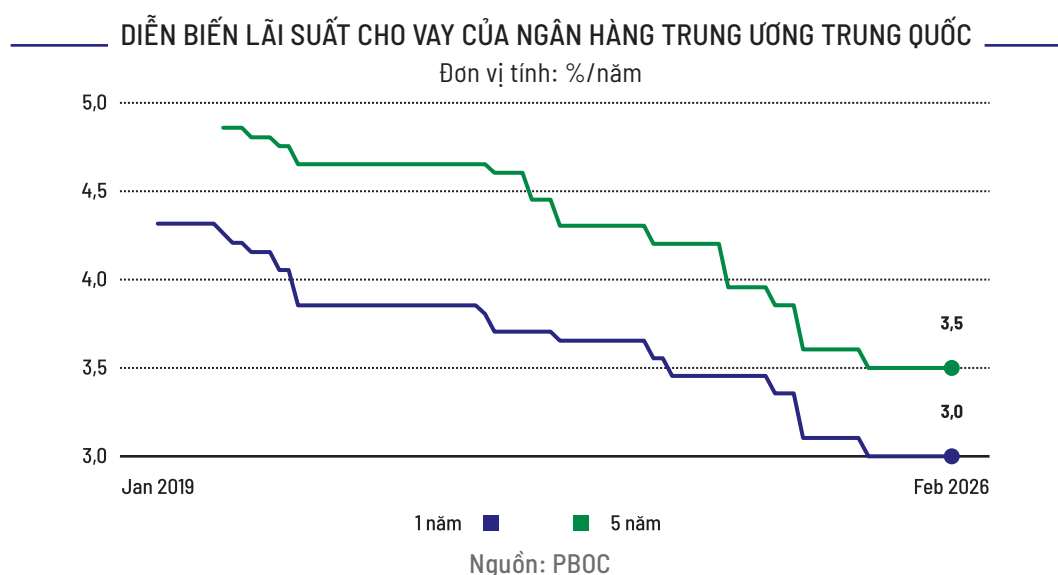
## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 03/2026

5 năm, nhờ sự gia tăng mạnh của đơn hàng mới và nhu cầu xuất khẩu. Sản lượng và hoạt động mua nguyên vật liệu đều tăng, cho thấy các doanh nghiệp xuất khẩu nhỏ và vừa hưởng lợi từ sự phục hồi của nhu cầu toàn cầu, dù chi phí đầu vào như kim loại và năng lượng cũng tăng lên.

Bên cạnh lĩnh vực sản xuất, khu vực dịch vụ của Trung Quốc trong tháng 02/2026 ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ, trở thành điểm sáng của nền kinh tế. Chỉ số PMI dịch vụ tăng lên 56,7 điểm, mức cao nhất trong 33 tháng, nhờ nhu cầu trong và ngoài nước gia tăng cũng như các hoạt động khuyến mại và kích thích tiêu dùng. Sự gia tăng đơn hàng mới và hoạt động kinh doanh cho thấy khu vực dịch vụ đang đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh sản xuất còn nhiều thách thức.

Về chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) trong tháng 02/2026 đã giữ nguyên lãi suất cho vay chuẩn (Loan Prime Rate - LPR), trong đó LPR kỳ hạn 1 năm ở mức 3,0% và LPR kỳ hạn 5 năm ở mức 3,5%. Quyết định giữ nguyên lãi suất cho thấy cơ quan điều hành đang thận trọng với việc nới lỏng tiền tệ quy mô lớn, đồng thời tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất thấp nhằm hỗ trợ hoạt động tín dụng và thị trường bất động sản.

Bên cạnh việc giữ nguyên lãi suất, ngân hàng trung ương Trung Quốc cũng triển khai các biện pháp điều hành tỷ giá và thanh khoản để ổn định thị trường tài chính. Cụ thể, PBoC đã loại bỏ yêu cầu dự trữ 20% đối với các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ, qua đó khuyến khích việc mua USD và hạn chế đà tăng quá mạnh của đồng nhân dân tệ. Động thái này nhằm giảm áp lực lên các doanh nghiệp xuất khẩu và duy trì sự ổn định của thị trường ngoại hối trong bối cảnh dòng vốn và thương mại quốc tế biến động.



Đặc biệt, ngày 27/02, Bộ Chính trị Trung Quốc đã tổ chức cuộc họp quan trọng nhằm đánh giá tình hình kinh tế và định hướng chính sách cho giai đoạn tiếp theo. Tại cuộc họp này, lãnh đạo Trung Quốc nhấn mạnh cần triển khai chính sách tài khóa chủ động hơn và chính sách tiền tệ linh hoạt, phù hợp, nhằm hỗ trợ ổn định tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nhu cầu nội địa còn yếu và môi trường kinh tế toàn cầu nhiều biến động. Cụ thể, chính phủ Trung Quốc dự kiến sẽ tăng cường chi tiêu công, thúc đẩy đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ doanh nghiệp và kích thích tiêu dùng trong nước, đồng thời cải thiện môi trường kinh doanh để khuyến khích khu vực tư nhân mở rộng hoạt động sản xuất và đầu tư.

### ▪ EU

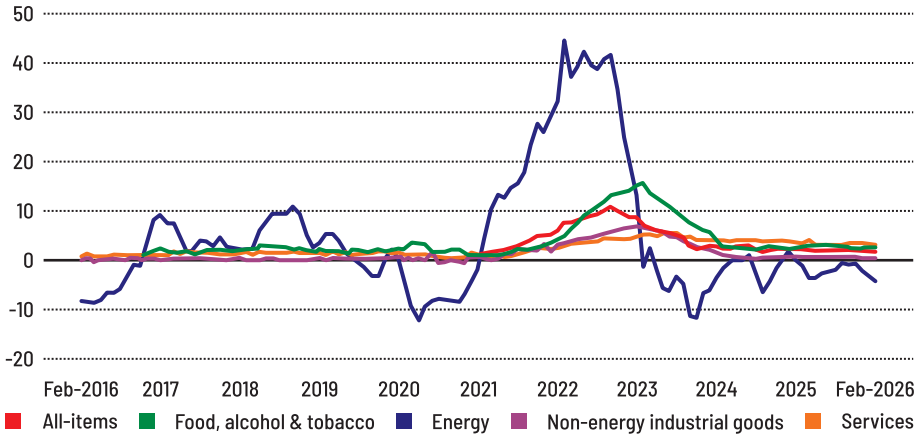
Trong tháng 02/2026, nền kinh tế Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục ghi nhận xu hướng phục hồi thận trọng, với một số chỉ báo kinh tế cải thiện nhưng vẫn tồn tại nhiều thách thức liên quan đến nhu cầu yếu, chi phí năng lượng và triển vọng tăng trưởng dài hạn.

Hoạt động kinh doanh và sản xuất trong khu vực đồng Euro, bộ phận kinh tế cốt lõi của EU đã có dấu hiệu phục hồi trong tháng 02/2026. *Theo khảo sát PMI của S&P Global, chỉ số PMI sản xuất của khu vực tăng lên 50,8 điểm từ mức 49,5 của tháng trước, vượt ngưỡng 50* - mức phân định giữa tăng trưởng và suy giảm, *đạt mức cao nhất trong 44 tháng*. Sự cải thiện này chủ yếu đến từ sự gia tăng của đơn đặt hàng mới và sản lượng công nghiệp, trong đó Đức đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đà phục hồi của khu vực. Tuy nhiên, nhu cầu xuất khẩu vẫn còn yếu và Pháp là nền kinh tế lớn duy nhất có sự suy giảm, với ngành sản xuất nhìn chung chững lại sau đợt phục hồi mạnh mẽ hồi tháng Giêng, trong khi Tây Ban Nha trì trệ và Áo chứng kiến sự suy giảm nhẹ.

Trong tháng 02/2026, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tiếp tục duy trì lập trường chính sách tiền tệ thận trọng khi giữ nguyên các mức lãi suất điều hành tại cuộc họp ngày 5/2. Cụ thể, lãi suất tái cấp vốn chính được giữ ở mức 2,15%, lãi suất tiền gửi ở mức 2,00% và lãi suất cho vay cận biên ở mức 2,40%, không thay đổi so với kỳ họp trước đó. Quyết định này được đưa ra trong bối cảnh ECB đánh giá rằng lạm phát tại khu vực đồng Euro đang dần ổn định và có khả năng quay về mức mục tiêu 2% trong trung hạn, trong khi nền kinh tế vẫn thể hiện khả năng chống chịu tương đối tốt trước các biến động toàn cầu.

ECB cũng nhấn mạnh rằng các quyết định chính sách tiền tệ trong thời gian tới sẽ tiếp tục dựa trên dữ liệu kinh tế mới, thay vì cam kết trước một lộ trình điều chỉnh lãi suất cụ thể. Theo đánh giá của Hội đồng Thống đốc ECB, các yếu tố như tỷ lệ thất nghiệp thấp, bảng cân đối tài chính của khu vực tư nhân tương đối lành mạnh và chi tiêu công cho quốc phòng và cơ sở hạ tầng đang gia tăng đang hỗ trợ tăng trưởng kinh tế của khu vực đồng Euro, qua đó cho phép ECB duy trì chính sách ổn định trong ngắn hạn.

LẠM PHÁT HÀNG NĂM KHU VỰC ĐỒNG EURO  
VÀ CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH ƯỚC TÍNH ĐẾN HẾT THÁNG 02/2026



Nguồn: Eurostat

## 2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Bước sang tháng 02/2026, nhiều tổ chức quốc tế và ngân hàng đầu tư lớn đã công bố hoặc cập nhật các dự báo về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026, cho thấy bức tranh kinh tế thế giới được đánh giá là ổn định nhưng vẫn đối mặt với nhiều rủi ro từ địa chính trị, thương mại và điều kiện tài chính.

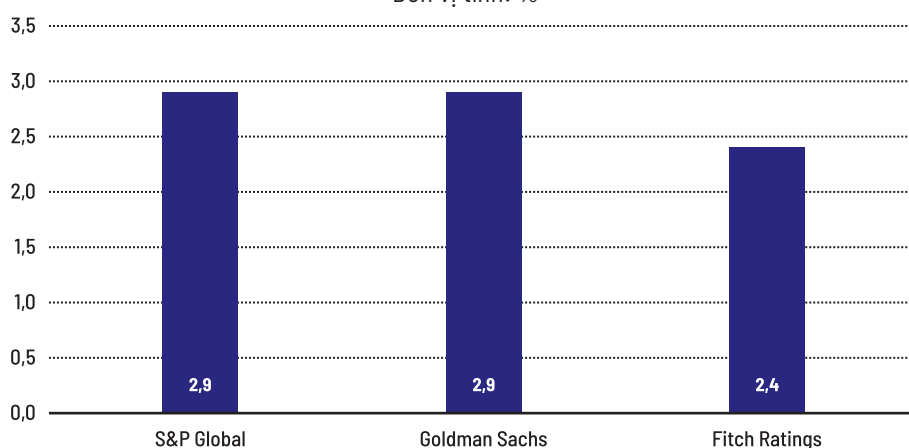
Trong báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 02/2026, *S&P Global* dự báo **tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2026 khoảng 2,9%**, tương đương năm 2025, phản ánh khả năng chống chịu của nền kinh tế thế giới trước các cú sốc nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình dài hạn. Báo cáo cho rằng sự cải thiện tại một số nền kinh tế lớn như Ấn Độ và khu vực Eurozone đã góp phần nâng nhẹ triển vọng tăng trưởng toàn cầu.

*Goldman Sachs* cũng đưa ra dự báo tương tự trong báo cáo triển vọng kinh tế công bố ngày 27/02, theo đó dự báo GDP toàn cầu **năm 2026 sẽ tăng khoảng 2,9%**, cao hơn mức đồng thuận của các nhà kinh tế khoảng 2,7%.

Ngược lại, trong báo cáo mới nhất của mình, tổ chức xếp hạng tín nhiệm *Fitch Ratings* cho rằng tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể **giảm xuống khoảng 2,4% trong năm 2026**, thấp hơn mức 2,7% của năm 2025. Theo Fitch Ratings, nguyên nhân chủ yếu đến từ chi phí vốn cao, nợ công gia tăng và tốc độ phục hồi chậm tại một số nền kinh tế lớn.

### DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2026 CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Vibiz Monitoring, tháng 02/2026



**PHẦN II**

**KINH TẾ VIỆT NAM**



**1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 02/2026**

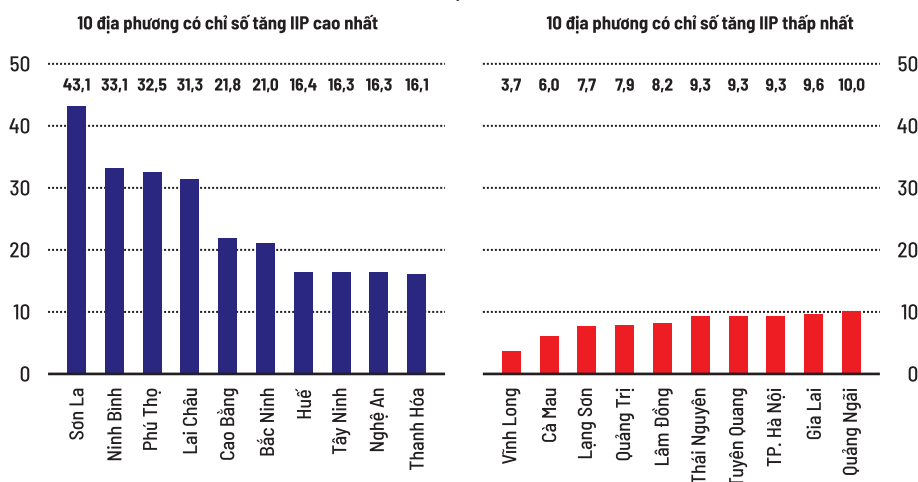
**1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội**

**1.1.1. Sản xuất công nghiệp**

Tết Nguyên đán Bính Ngọ diễn ra trong tháng 02/2026 nên số ngày làm việc ít hơn so với tháng trước và cùng kỳ năm trước, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 02/2026 ước giảm 18,4% so với tháng trước và tăng 1,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước.

**TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM IIP HAI THÁNG ĐẦU NĂM 2026 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị tính: %



Nguồn: Cục Thống kê

Chỉ số sản xuất công nghiệp hai tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước tăng ở cả 34 địa phương. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá nhờ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao. Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP tăng thấp do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện tăng thấp hoặc giảm.

### 1.1.2. Xuất nhập khẩu

#### ▪ Xuất khẩu hàng hóa:

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 02/2026 đạt 33,06 tỷ USD, giảm 23,7% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 6,44 tỷ USD, giảm 33,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 26,62 tỷ USD, giảm 21,0%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Hai tăng 5,7%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 24,3%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 17,0%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu hai tháng đầu năm 2026, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 68,55 tỷ USD, chiếm 89,8%; nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 5,8 tỷ USD, chiếm 7,6%; nhóm hàng thủy sản đạt 1,72 tỷ USD, chiếm 2,2%; nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản đạt 0,29 tỷ USD, chiếm 0,4%.

#### ▪ Nhập khẩu hàng hóa:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 02/2026 đạt 34,1 tỷ USD, giảm 24,6% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,55 tỷ USD, giảm 27,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 24,55 tỷ USD, giảm 23,4%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Hai tăng 4,4%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 19,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,1%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu hai tháng đầu năm 2026, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 74,67 tỷ USD, chiếm 94,1%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 56,0%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 38,1%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 4,67 tỷ USD, chiếm 5,9%.

Theo số liệu sơ bộ, cán cân thương mại hàng hóa tháng 01/2025 nhập siêu 1,94 tỷ USD; tháng 02/2025 nhập siêu 1,04 tỷ USD. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 2,98 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,77 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 6,5 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 3,52 tỷ USD.

### 1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 02/2026, cả nước có 11,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký gần 132,8 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký gần 59,4 nghìn lao động, giảm 53,2% về số doanh nghiệp, giảm 26,6% về vốn đăng ký và giảm 45,1% về số lao động so với tháng 01/2026. So với cùng kỳ năm trước, tăng 11,6% về số doanh nghiệp, giảm 2,6% về số vốn đăng ký và tăng 0,4% về số lao động. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 02/2026 đạt 11,7 tỷ đồng, tăng 56,9% so với tháng trước và giảm 12,8% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có gần 6,2 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 74,9% so với tháng trước và giảm 12,6% so với cùng kỳ năm 2025.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 03/2026

Theo khu vực kinh tế, hai tháng đầu năm 2026 có 440 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 145,8% so với cùng kỳ năm trước; 8.199 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 71,5%; hơn 26,8 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 69,6%.

### TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM



Nguồn: Cục Thống kê

#### 1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 02/2026 ước đạt gần 38,9 nghìn tỷ đồng, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương quản lý đạt 5,8 nghìn tỷ đồng, tăng 5,9%; vốn địa phương quản lý 33,1 nghìn tỷ đồng, giảm 0,5%. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 83,5 nghìn tỷ đồng, bằng 9,4% kế hoạch năm và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 7,4% và tăng 24,6%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 28/02/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 6,03 tỷ USD, giảm 12,6% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam hai tháng đầu năm 2025 ước đạt 3,21 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của hai tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 2,65 tỷ USD, chiếm 82,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 223,5 triệu USD, chiếm 7,0%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 119,2 triệu USD, chiếm 3,7%.

Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 540,2 triệu USD, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 163,8 triệu USD, chiếm 30,3% tổng vốn đầu tư; xây dựng đạt 150,9 triệu USD, chiếm 27,9%; vận tải kho bãi đạt 149,2 triệu USD, chiếm 27,6%.

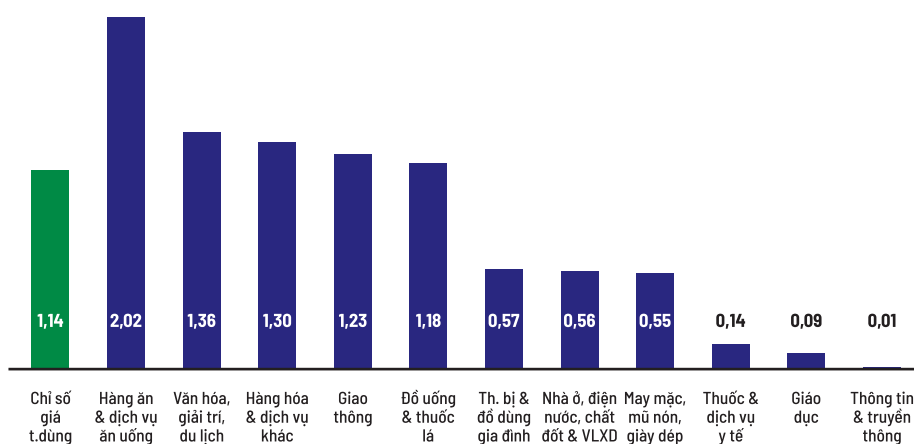
## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 03/2026

Trong hai tháng đầu năm 2026, có 36 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Lào là nước dẫn đầu với 176,7 triệu USD, chiếm 32,7% tổng vốn đầu tư; Cờ-rơ-gi-xtan 149,9 triệu USD, chiếm 27,8%; Ăng-gô-la 30 triệu USD, chiếm 5,6%; Hà Lan 29,4 triệu USD, chiếm 5,5%; Thụy Điển 28,5 triệu USD, chiếm 5,3%.

### 1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2026 tăng 1,14% so với tháng trước nguyên nhân chính là do giá thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình và dịch vụ giao thông tăng do nhu cầu mua sắm, đi lại của người dân tăng trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ. CPI tháng 02/2026 tăng 1,19% so với tháng 12/2025 và tăng 3,35% so với cùng kỳ năm 2025.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM CPI THÁNG 02/2026 SO VỚI THÁNG TRƯỚC



Nguồn: Cục thống kê

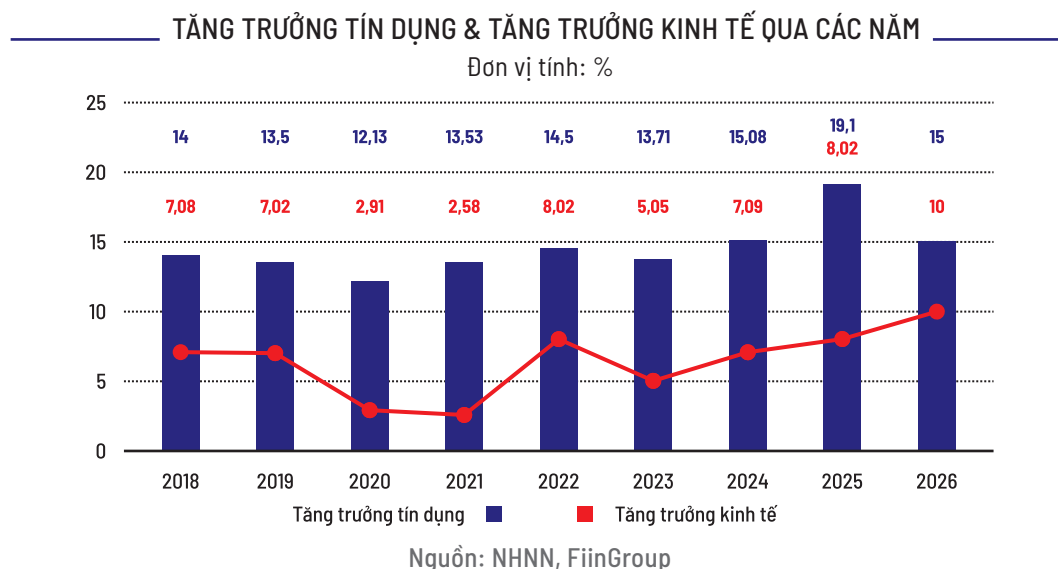
## 1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

### 1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Đầu năm tín dụng đã tăng trưởng tích cực, tính đến ngày 26/2 đạt 18,86 triệu tỷ đồng, tăng 1,4% so với cuối 2025, tăng 20,18% so với cùng kỳ năm). Tỷ giá diễn biến linh hoạt phù hợp với điều kiện thị trường, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Theo lãnh đạo NHNN, lãi suất được điều hành theo diễn biến cung cầu thị trường. Lãi suất cho vay bình quân đối với các khoản vay mới có xu hướng giảm, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn.

Thị trường tiền tệ nhìn chung ổn định, thanh khoản hệ thống được đảm bảo. NHNN phối hợp linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để đáp ứng nhu cầu thanh toán và chi trả của nền kinh tế.



Theo số liệu từ NHNN, tín dụng bất động sản trong năm 2025 tăng khoảng 22%. Tuy nhiên, một số chuyên gia cho rằng nếu tính cả các khoản vay tiêu dùng có liên quan đến bất động sản, mức tăng thực tế có thể lên tới 28% đến 30%.

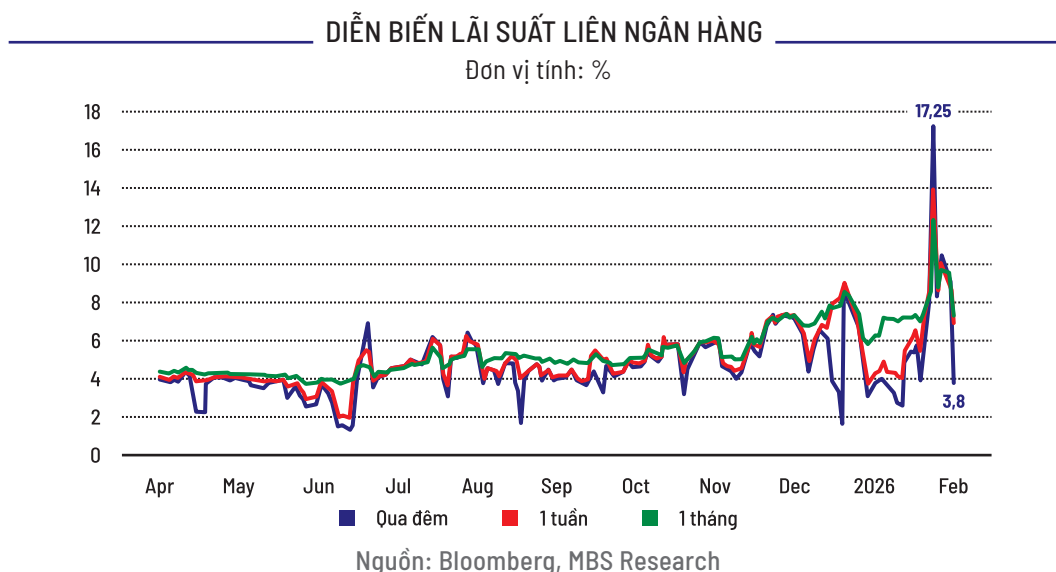
Trước diễn biến này, NHNN đã yêu cầu các tổ chức tín dụng kiểm soát chặt tăng trưởng tín dụng ngay từ đầu năm 2026. Theo quy định, dư nợ tín dụng trong 3 tháng đầu năm không được vượt quá 25% chỉ tiêu tăng trưởng cả năm, dự kiến khoảng 15%. Đồng thời, dư nợ cho vay bất động sản tại mỗi ngân hàng không được tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng chung của chính ngân hàng đó.

**1.2.2. Lãi suất**

Trong báo cáo thị trường tiền tệ của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) mới nhất cho thấy giai đoạn cuối năm 2025, đầu năm 2026, lãi suất liên ngân hàng (lãi suất các tổ chức tín dụng vay mượn lẫn nhau trên thị trường liên ngân hàng) kỳ hạn qua đêm bất ngờ tăng mạnh từ vùng thấp. Lãi suất qua đêm trên thị trường liên ngân hàng vào đầu tháng 02/2026 có lúc tăng tới khoảng 17%/năm - cao nhất trong nhiều năm gần đây. Lãi suất đi lên trong bối cảnh thanh khoản ngắn hạn thắt chặt mạnh do nhu cầu tiền mặt tăng trước kỳ nghỉ Tết.

Trước diễn biến này, Ngân hàng Nhà nước đã can thiệp mạnh mẽ bằng nhiều công cụ điều hành như chủ động bơm ròng tổng cộng hơn 159.000 tỉ đồng qua kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá (OMO) và triển khai hoán đổi ngoại tệ USD/VND để bổ sung thanh khoản VND vào hệ thống.

Thống kê tới trước kỳ nghỉ Tết, lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm về mức 3,76%; kỳ hạn 1 tuần vẫn ở mức cao 9,1% và kỳ hạn 1 tháng khoảng 6,88%/năm.



Trong bối cảnh trên, nhiều ngân hàng thương mại cũng tăng lãi suất huy động để thu hút vốn. Khảo sát của VNBA cho thấy, một số ngân hàng cổ phần đã đưa lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng lên trên 7%/năm, trong khi các ngân hàng lớn cũng tăng nhẹ lãi suất huy động nhằm tăng hấp dẫn của tiền gửi.

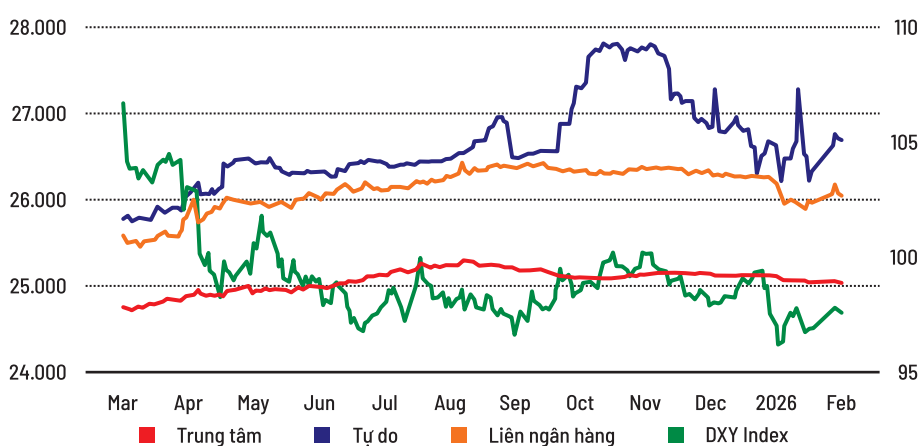
Tính đến ngày 28/02/2026, đã có 12 ngân hàng thay đổi biểu lãi suất huy động, trong đó 6 đơn vị tăng lãi gồm Viet A Bank, MBBank, Cake by VPBank, Agribank, LPBank và Sacombank.

3 ngân hàng điều chỉnh trái chiều là KienlongBank, ABBank và TPBank. Trong khi đó, Techcombank, ACB và Sacombank ghi nhận có đợt giảm lãi suất ở một số kỳ hạn.

1.2.3. Tỷ giá

Sự phục hồi của đồng USD đã phần nào tạo áp lực lên tỷ giá USD/VND trong nước. Cụ thể, tỷ giá liên ngân hàng đến cuối tháng 2 tăng 0,4% so với tháng trước, lên mức 26.058 VND/USD, song vẫn thấp hơn 0,8% so với đầu năm. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 0,85% trong tháng, lên 26.700 VND/USD (giảm 0,8% so với đầu năm). Trong khi đó, tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước công bố giảm nhẹ 0,1% so với tháng trước, xuống 25.044 VND/USD (giảm 0,3% so với đầu năm).

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ TRUNG TÂM TÍNH ĐẾN THÁNG 02/2026



Nguồn: Bloomberg, MBS Research, NHNN

Theo MBS, yếu tố hỗ trợ tỷ giá chủ yếu đến từ xu hướng suy yếu của USD trong trung hạn, khi sự phân hóa chính sách tiền tệ giữa các quốc gia ngày càng rõ nét. Chỉ số DXY được dự báo có thể giảm xuống ngưỡng 95 điểm từ giữa năm 2026. Phần lớn các đồng tiền chủ chốt như yên Nhật, bảng Anh và đồng EUR được kỳ vọng tăng giá. Đồng tiền của các nền kinh tế mới nổi, bao gồm Việt Nam, cũng sẽ hưởng lợi khi chênh lệch lãi suất giữa Mỹ và các quốc gia này thu hẹp.

Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, áp lực đối với tỷ giá trong năm 2026 vẫn hiện hữu. Thứ nhất, dù Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại hơn 20 tỷ USD trong năm 2025, phần lớn thặng dư đến từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), trong khi khối doanh nghiệp trong nước thâm hụt gần 30 tỷ USD. Điều này cho thấy nhu cầu USD trong nước vẫn lớn trong chu kỳ mở rộng sản xuất.

### 1.2.4. Giá vàng

Thị trường vàng trong tháng 2 và đầu tháng 3 năm 2026 đang trải qua những biến động cực kỳ mạnh mẽ, thiết lập những cột mốc kỷ lục mới chưa từng có trong lịch sử.

Giá vàng thế giới đã tăng cao, phá vỡ mọi dự báo trước đó. Vàng thế giới hiện đang giao dịch quanh ngưỡng 5.200 - 5.300 USD/ounce. Đây là mức cao kỷ lục, tăng hơn 400 USD chỉ trong vòng một tháng qua. Nguyên nhân chính là do: (i) Căng thẳng địa chính trị: Các xung đột tại Trung Đông (đặc biệt là thông tin Mỹ - Israel tập kích Iran hồi đầu tháng 3) đã đẩy dòng tiền đổ vào vàng; (ii) Xu hướng phi USD hóa: Các ngân hàng trung ương (đặc biệt là nhóm BRICS) liên tục mua gom vàng với khối lượng lớn để giảm phụ thuộc vào đồng USD; (iii) Lạm phát và Nợ công: Áp lực từ nợ công toàn cầu khiến các nhà đầu tư mất niềm tin vào tiền giấy.

*Giá vàng Việt Nam* đã tăng rất cao với cùng kỳ các năm trước, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ đà tăng phi mã của thế giới và nhu cầu trú ẩn an toàn của người dân.

*Tháng 2/2026: Đầu tháng, giá vàng miếng SJC dao động quanh mức 163 - 174 triệu đồng/lượng. Tuy nhiên, đến cuối tháng 2, giá đã vọt lên ngưỡng 181 - 184 triệu đồng/lượng.*

*Đầu tháng 3/2026: Đà tăng không dừng lại, giá vàng miếng SJC và vàng nhẫn 9999 có lúc đã chạm ngưỡng 188 - 190 triệu đồng/lượng (vào khoảng ngày 1-2/3).*

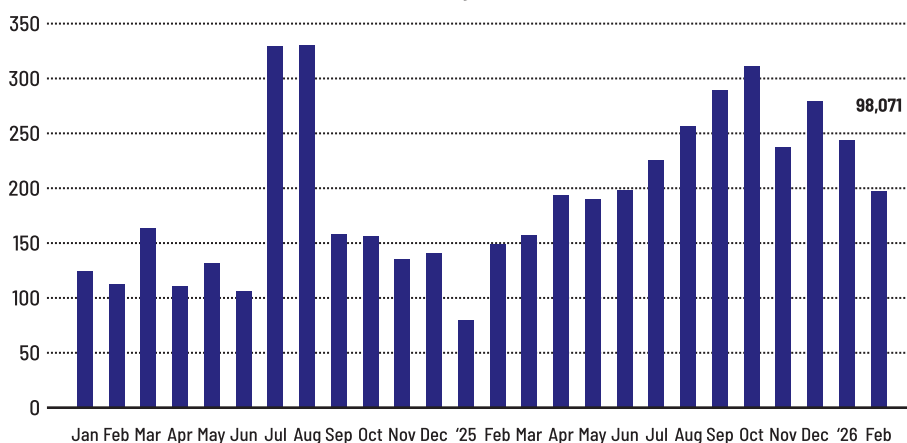
Chênh lệch giữa giá mua và giá bán đang được duy trì ở mức khá cao, khoảng 3 triệu đồng/lượng, cho thấy tâm lý thận trọng của thị trường trước các biến động lớn.

1.2.5. Chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận gần 198.400 tài khoản giao dịch mở mới trong tháng 2/2026, theo số liệu từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC). Qua đó, tổng số tài khoản trên toàn thị trường nâng lên khoảng 12,3 triệu đơn vị.

SỐ TÀI KHOẢN CHỨNG KHOÁN CÁ NHÂN TRONG NƯỚC TĂNG/GIẢM QUA TỪNG THÁNG

Đơn vị tính: Nghìn tài khoản



Nguồn: VSDC

Kết thúc phiên giao dịch 28/2/2026, chỉ số VN-Index đạt 1.880,33 điểm, VNAll-share đạt 1.926,35 điểm và VN30 đạt 2.061,75 điểm. Trong tháng 2/2026, cả 03 chỉ số chính của thị trường duy trì đà tăng điểm với mức tăng lần lượt là 2,80%, 2,85% và 1,57%.

Các chỉ số ngành trên HOSE ghi nhận 05 chỉ số ngành tăng điểm so với tháng 01/2026, trong đó ghi nhận tăng mạnh gồm chỉ số ngành năng lượng (VNENE), chỉ số ngành bất động sản (VNREAL) và chỉ số ngành vật liệu xây dựng (VNMAT) với mức tăng lần lượt là 20,36%, 12,18% và 6,75%. Các chỉ số ngành ghi nhận giảm điểm tiêu biểu gồm ngành công nghệ thông tin (VNIT), ngành tiêu dùng thiết yếu (VNCONS) và ngành tiêu dùng không thiết yếu (VNCOND) với mức giảm lần lượt là 10,42%, 3,7% và 1,64%.

Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán phái sinh trong tháng 2/2026 ghi nhận sự suy giảm về thanh khoản khi giá trị giao dịch Hợp đồng tương lai giảm đáng kể so với tháng trước.

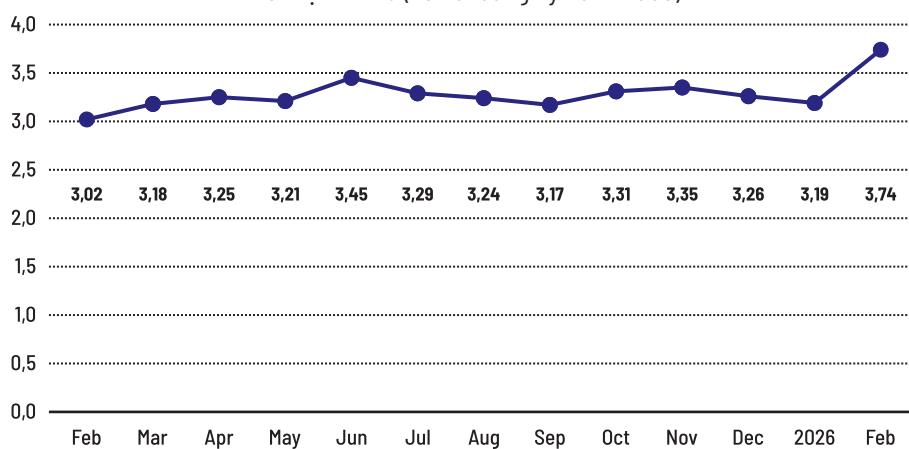
Theo số liệu tổng hợp, khối lượng giao dịch bình quân sản phẩm Hợp đồng tương lai chỉ số VN30 trong tháng đạt 227.885 hợp đồng/phiên, giảm 19,87% so với tháng 1/2026. Giá trị giao dịch bình quân cũng giảm 22%, xuống còn 45.737 tỷ đồng/phiên.

### 1.2.6. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 2/2026 tăng 0,82% so với tháng trước, tăng 3,74% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân hai tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 3,47% so với năm trước, cao hơn mức tăng 2,94% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, năng lượng là yếu tố góp phần làm giảm CPI chung nhưng đã được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CƠ BẢN ĐẾN THÁNG 02/2026

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Cục Thống kê

## 2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

### 2.1. Về chủ trương, chính sách

- *Chỉ thị số 04/CT-BCT về việc triển khai các giải pháp, nhiệm vụ bảo đảm cung cấp điện trong thời gian cao điểm năm 2026 và giai đoạn 2027-2030*

Theo đó, thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân trong thời gian cao điểm năm 2026 và giai đoạn 2027-2030 (Chỉ thị số 01/CT-TTg), ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Bộ Công Thương, Quyền Bộ trưởng Bộ Công Thương Lê Mạnh Hùng đã chủ trì Hội nghị làm việc với các Tập đoàn, Tổng công ty ngành năng lượng và các UBND cấp tỉnh về việc triển khai các giải pháp, nhiệm vụ bảo đảm cung cấp điện trong thời gian cao điểm năm 2026 và giai đoạn 2027-2030, thúc đẩy tiến độ các dự án nguồn, lưới điện trọng điểm.

Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị tham dự cuộc họp và trên tinh thần tiếp tục bảo đảm cung ứng điện an toàn, ổn định, liên tục, không để thiếu điện cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân trong mọi tình huống trong năm 2026 và thời gian tới, đặc biệt trong năm 2026 sẽ diễn ra nhiều sự kiện văn hóa, chính trị, kinh tế quan trọng của đất nước như Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, Quyền Bộ trưởng Bộ Công Thương yêu cầu các đơn vị chủ động thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung sau.

Về các nhiệm vụ, giải pháp chung, Bộ Công Thương yêu cầu các Tập đoàn, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan quán triệt nhiệm vụ cung ứng đủ điện phục vụ phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia là nhiệm vụ chính trị quan trọng; phát huy tinh thần trách nhiệm, vai trò chủ đạo, tiên phong, nâng cao hiệu quả trong việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; kịp thời tháo gỡ khó khăn, huy động mọi nguồn lực để thúc đẩy và hoàn thành nhanh nhất các công trình, dự án nguồn điện, truyền tải điện.

- *Nghị định 373/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý thuế có hiệu lực từ ngày 14/02/2026*

Nghị định 373/2025/NĐ-CP đã điều chỉnh nơi quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công thuộc diện tổ chức chi trả khấu trừ tại nguồn từ hai nơi trở lên.

Cụ thể, cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công thuộc diện tổ chức chi trả khấu trừ tại nguồn từ hai nơi trở lên thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức trả thu nhập lớn nhất trong năm.

Trường hợp có nhiều nguồn thu nhập lớn nhất trong năm mà các nguồn thu nhập đó bằng nhau thì cá nhân nộp hồ sơ quyết toán tại một trong những cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức chi trả các nguồn thu nhập lớn nhất trên.

Quy định mới bổ sung: Trường hợp cá nhân nộp hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân không đúng quy định nêu trên thì cơ quan thuế nơi đã tiếp nhận hồ sơ của cá nhân đó căn cứ thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành thuế hỗ trợ chuyển hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức trả thu nhập để thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định pháp luật.

▪ ***Nghị định 340/2025/NĐ-CP, được Chính phủ ban hành ngày 25/12/2025 và có hiệu lực từ 9/2/2026, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, trong đó có hoạt động kinh doanh vàng***

Với các vi phạm phổ biến, như mua, bán vàng miếng với tổ chức không có giấy phép, hoặc sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán, mức xử phạt áp dụng là cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10 - 20 triệu đồng nếu tái phạm, vi phạm nhiều lần.

Các sai phạm về quy trình, gồm: không thanh toán mua bán vàng qua tài khoản, không niêm yết công khai giá vàng, hoặc sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ không công bố tiêu chuẩn, ghi nhãn theo quy định, có thể bị phạt từ 30-50 triệu đồng.

Ở nhóm vi phạm nghiêm trọng, mức phạt tăng lên 80-100 triệu đồng, áp dụng cho hành vi kinh doanh mua, bán vàng miếng không đúng quy định, hoặc mang vàng khi xuất nhập cảnh trái phép; Với các hành vi nặng hơn, như kinh doanh vàng thông qua đại lý ủy nhiệm, xuất khẩu, nhập khẩu vàng không đúng ngành nghề đăng ký, hoặc sản xuất, kinh doanh vàng khi chưa đủ điều kiện pháp lý, mức phạt có thể lên tới 140 - 180 triệu đồng; Mức xử phạt cao nhất, từ 300 - 400 triệu đồng, được áp dụng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh mua bán vàng miếng không có giấy phép, hoặc xuất nhập khẩu vàng nguyên liệu, vàng miếng khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

▪ ***Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 26/2/2026 về việc đẩy mạnh sản xuất, phối trộn, phân phối và sử dụng nhiên liệu sinh học tại Việt Nam.***

Chỉ thị yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố lồng ghép mục tiêu thúc đẩy tiêu thụ nhiên liệu sinh học vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức; tăng cường phối hợp liên ngành; triển khai các chương trình, dự án thí điểm trong giao thông, công nghiệp và nông nghiệp.

Bộ Công Thương được giao chủ trì xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện lộ trình phối trộn; bảo đảm cung ứng xăng sinh học ổn định cho thị trường; quản lý đầu tư các dự án sản xuất nhiên liệu sinh học; khuyến khích doanh nghiệp phát triển hạ tầng; kiểm tra, giám sát hoạt động nhập khẩu, pha chế, phối trộn, phân phối và kinh doanh. Đồng thời, Bộ phối hợp xây dựng chính sách giá, thuế, phí phù hợp; theo dõi sát diễn biến thị trường trong và ngoài nước; xây dựng kịch bản ứng phó khi có biến động; đẩy mạnh nghiên cứu, nâng cấp công nghệ sản xuất E100, nhiên liệu sinh học thế hệ mới; tăng cường hợp tác quốc tế và tổ chức truyền thông quy mô toàn quốc. Trong quá trình triển khai, Bộ trưởng Bộ Công Thương được quyết định điều chỉnh tỷ lệ phối trộn phù hợp với tình hình thực tế theo thẩm quyền.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư đối với dự án sản xuất, phối trộn, phân phối nhiên liệu sinh học, bảo đảm phù hợp với lộ trình phát triển.

Đồng thời, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, đề xuất chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất nhiên liệu sinh học.

### 2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Trong tháng 02/2026, nhiều ngân hàng và tổ chức tài chính quốc tế đã công bố hoặc cập nhật các dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2026. Nhìn chung, các tổ chức đều đánh giá triển vọng kinh tế Việt Nam vẫn tích cực nhờ nền tảng tăng trưởng mạnh trong năm 2025 và vai trò ngày càng lớn trong chuỗi cung ứng khu vực, dù môi trường kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định.

*Standard Chartered* cũng duy trì đánh giá tích cực đối với triển vọng kinh tế Việt Nam, *dự báo GDP năm 2026 tăng khoảng 7,2%*. Ngân hàng này nhận định tăng trưởng có thể chậm hơn trong nửa đầu năm trước khi tăng tốc vào nửa cuối năm, nhờ sự phục hồi của hoạt động xuất khẩu, sản xuất công nghiệp và dòng vốn đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, *Văn phòng nghiên cứu kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO)* đã nâng *dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2026 sẽ đạt mức 7,6%* (thay vì 6,5% hồi tháng 9), mức cao nhất ASEAN+3.

Mặt khác, *Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)*, trong tham vấn Điều IV 2025, thậm chí còn thận trọng hơn, *dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng thực năm 2026 khoảng 5,6%*, sau khi đã đạt khoảng 6,5% năm 2025. IMF lý giải, sự giảm tốc này dựa trên phân tích tác động từ chính sách thuế của Mỹ đối với một số mặt hàng xuất khẩu, từ điều kiện tài chính toàn cầu chặt chẽ hơn và do nhu cầu thế giới chưa phục hồi hoàn toàn.



## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

### 1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

#### 1.1. Thông tin trong kỳ

##### 1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ:*

Trong tháng 02/2026, nguồn cung dầu toàn cầu chịu tác động bởi nhiều yếu tố địa chính trị và sự cố hạ tầng năng lượng, làm gia tăng rủi ro gián đoạn dòng chảy dầu trên thị trường quốc tế. Đáng chú ý, xuất khẩu dầu từ khu vực Trung Đông đã tăng tốc trong bối cảnh căng thẳng giữa Mỹ và Iran leo thang, khiến các nhà xuất khẩu trong khu vực đẩy mạnh giao hàng nhằm hạn chế nguy cơ gián đoạn nguồn cung.

Bên cạnh đó, nguồn cung dầu từ Nga sang châu Âu cũng bị ảnh hưởng bởi các sự cố liên quan đến cơ sở hạ tầng vận chuyển. Sự cố tại trạm bơm Kaleykino đã làm hạn chế dư địa xuất khẩu dầu của Nga sang thị trường châu Âu, qua đó làm gia tăng áp lực đối với chuỗi cung ứng năng lượng của khu vực.

Ngoài ra, tranh chấp liên quan đến việc vận chuyển dầu qua đường ống Druzhba cũng làm gia tăng căng thẳng năng lượng tại khu vực Trung và Đông Âu. Sau khi dòng dầu từ Nga qua đường ống này bị gián đoạn từ cuối tháng 01/2026, Hungary và Slovakia đã tạm ngừng xuất khẩu nhiên liệu diesel sang Ukraine vào ngày 18/02 nhằm bảo đảm nguồn cung trong nước.

Trong khi đó, các doanh nghiệp dầu khí tại Mỹ cũng ghi nhận nhu cầu dầu vẫn duy trì ở mức mạnh, qua đó giúp giảm bớt lo ngại về tình trạng dư cung trên thị trường. Theo đánh giá của công ty dầu khí Diamondback Energy, dù nguồn cung toàn cầu vẫn tương đối dồi dào, nhu cầu tiêu thụ năng lượng ổn định đã góp phần hạn chế áp lực dư cung và hỗ trợ sự cân bằng của thị trường dầu trong ngắn hạn.

Về sản lượng, sản lượng dầu của Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) ghi nhận xu hướng giảm nhẹ trong giai đoạn đầu năm 2026, trong tháng 01/2026 đạt khoảng 28,34 triệu thùng/ngày, giảm 60.000 thùng/ngày so với tháng trước, chủ yếu do nguồn cung từ Nigeria suy giảm và việc các nước thành viên tiếp tục tuân thủ các cam kết điều chỉnh sản lượng trong khuôn khổ OPEC+.

Liên minh OPEC+ tiếp tục thảo luận về điều chỉnh nguồn cung dầu trước những biến động của thị trường năng lượng toàn cầu. Nhóm các nước sản xuất dầu lớn đã xem xét khả năng điều chỉnh hạn ngạch sản lượng trong cuộc họp cuối tháng 02/2026 trước bối cảnh tình hình địa chính trị và nhu cầu tiêu thụ dầu thay đổi có thể ảnh hưởng đến cân bằng cung - cầu trên thị trường. Việc cân nhắc thay đổi sản lượng cho thấy OPEC+ vẫn đóng vai trò trung tâm trong việc điều tiết nguồn cung dầu toàn cầu.

### ▪ *Cầu dầu mỏ:*

Trong tháng 02/2026, nhu cầu dầu toàn cầu ghi nhận một số diễn biến đáng chú ý phản ánh sự thay đổi trong tiêu thụ năng lượng và tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô. Các phân tích thị trường cho thấy nhu cầu dầu vẫn được hỗ trợ bởi tiêu thụ mạnh trong lĩnh vực hóa dầu và vận tải, dù tốc độ tăng trưởng chung của thị trường năng lượng có xu hướng chậm lại. Theo dữ liệu thị trường năng lượng, tiêu thụ dầu toàn cầu tiếp tục tăng so với năm trước, trong đó các sản phẩm hóa dầu chiếm hơn một nửa mức tăng của nhu cầu dầu, cho thấy sự mở rộng của ngành công nghiệp hóa chất và sản xuất vật liệu tại các nền kinh tế mới nổi.

Theo báo cáo tháng 02/2026 của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), các nền kinh tế ngoài OECD tiếp tục đóng vai trò động lực chính của tiêu thụ dầu toàn cầu, trong đó Trung Quốc dẫn đầu nhu cầu nguyên liệu cho lĩnh vực hóa dầu và sản xuất công nghiệp. IEA cho biết phần lớn mức tăng tiêu thụ dầu trong năm 2026 đến từ các ngành công nghiệp hóa chất và sản xuất vật liệu, phản ánh nhu cầu năng lượng ổn định tại các nền kinh tế đang phát triển.

Theo dữ liệu được công bố vào tháng 02/2026 từ Bộ Dầu khí Ấn Độ, tiêu thụ xăng đạt khoảng 3,51 triệu tấn (tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước), trong khi tiêu thụ diesel gần 8 triệu tấn, tăng 3,3% so với cùng kỳ, phản ánh sự mở rộng của hoạt động vận tải và sản xuất trong nền kinh tế.

Ngoài ra, nhu cầu dầu tại Hoa Kỳ cũng duy trì ở mức cao trong tháng 02/2026, đặc biệt trong lĩnh vực vận tải và sản xuất công nghiệp. Theo dữ liệu từ Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA), mức tiêu thụ các sản phẩm dầu mỏ của Mỹ trong đầu năm 2026 tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhu cầu xăng và nhiên liệu hàng không phục hồi nhờ hoạt động đi lại và vận tải gia tăng.

Một yếu tố khác thúc đẩy nhu cầu dầu trong tháng 02/2026 là sự gia tăng hoạt động giao dịch và tích trữ dầu trên thị trường tài chính, khi các nhà đầu tư tìm cách phòng ngừa rủi ro trước các biến động nguồn cung và căng thẳng địa chính trị.

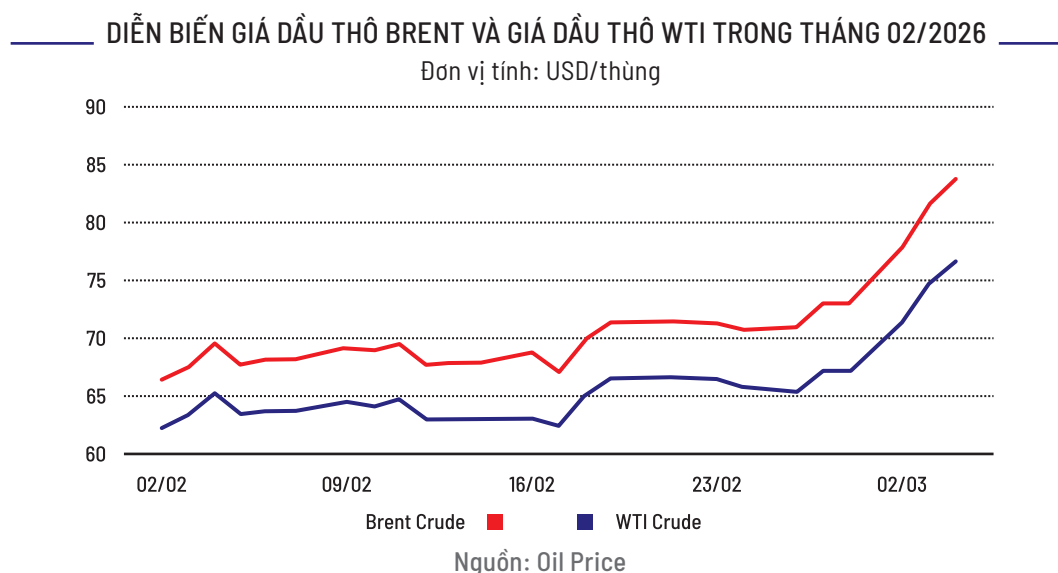
### ▪ *Diễn biến giá:*

Đầu tháng 02/2026, giá dầu thế giới ghi nhận xu hướng giảm nhẹ. Theo dữ liệu thị trường ngày 02/02, giá dầu Brent được ghi nhận ở mức khoảng 69,32 USD/thùng, giảm khoảng 0,39%, trong khi dầu thô WTI giao dịch quanh 65,21 USD/thùng, giảm 0,32% so với phiên trước đó.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 03/2026

Trong các phiên giao dịch giữa tuần cuối tháng, giá dầu tiếp tục dao động trong biên độ hẹp. Sáng 26/02, giá dầu Brent ở mức khoảng 70,71 USD/thùng (giảm 0,08%), còn dầu WTI ở mức 65,36 USD/thùng (giảm 0,41%). Nguyên nhân chính được cho là tồn kho dầu thô tại Mỹ tăng mạnh, làm giảm áp lực thiếu hụt nguồn cung trên thị trường trong ngắn hạn, dù căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông vẫn tạo ra rủi ro đối với chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu.

Đến cuối tháng 02/2026, giá dầu thế giới ghi nhận xu hướng phục hồi khá rõ rệt. Cụ thể, theo cập nhật thị trường ngày 28/02, giá dầu Brent tăng lên khoảng 72,48 USD/thùng, tăng 2,45%, trong khi dầu WTI đạt khoảng 67,02 USD/thùng, tăng 2,78% so với phiên giao dịch trước đó.



### 1.1.2. Thị trường trong nước

#### ▪ *Cung dầu mỏ:*

Trong tháng 02/2026, trước bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu biến động do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, Petrovietnam cho biết nguồn cung dầu thô trong nước vẫn được bảo đảm trong ngắn hạn, đồng thời tập đoàn đang xây dựng các kịch bản ứng phó nhằm duy trì sản lượng khai thác và bảo đảm nguyên liệu cho các nhà máy lọc dầu nội địa. Các cơ quan quản lý và doanh nghiệp năng lượng cũng đang xem xét nhiều giải pháp nhằm tăng tính chủ động trong việc cung ứng dầu thô và nguyên liệu đầu vào cho hoạt động chế biến xăng dầu trong nước.

Nguồn cung dầu thô và sản phẩm xăng dầu trong nước tiếp tục được duy trì ổn định nhờ hoạt động sản xuất liên tục của các nhà máy lọc dầu trong nước. Cụ thể, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất vẫn duy trì vận hành ổn định xuyên dịp Tết Nguyên đán, góp phần bảo đảm nguồn cung cho thị trường. Theo thông tin từ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR), trong hai tháng đầu năm 2026, nhà máy dự kiến sản xuất khoảng 1,34 triệu tấn sản phẩm xăng dầu.

Bên cạnh nguồn cung từ Dung Quất, thị trường xăng dầu trong nước còn được đảm bảo bởi hệ thống các nhà máy lọc dầu nội địa, đặc biệt là Nghi Sơn và Dung Quất. Theo đại diện Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), trong điều kiện bình thường, khoảng 80% nguồn cung xăng dầu trên thị trường nội địa được cung cấp từ hai nhà máy lọc dầu này, trong khi khoảng 20% còn lại được bổ sung từ nguồn nhập khẩu, chủ yếu từ Singapore và Hàn Quốc.

### ▪ *Cầu dầu mỏ:*

Trong tháng 02/2026, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước có xu hướng tăng do trùng với dịp Tết Nguyên đán, thời điểm nhu cầu đi lại, vận tải và tiêu dùng của người dân gia tăng mạnh. Theo thông tin từ cơ quan quản lý thị trường, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đã được yêu cầu chủ động bảo đảm nguồn cung nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tăng cao trên toàn hệ thống phân phối, từ các đầu mối, thương nhân phân phối đến cửa hàng bán lẻ, nhằm tránh tình trạng gián đoạn nguồn cung trong giai đoạn cao điểm tiêu dùng.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất và phân phối xăng dầu trong nước cũng được tăng cường để đáp ứng nhu cầu thị trường trước và trong Tết. Theo thông tin từ Bộ Công Thương và các doanh nghiệp năng lượng, các nhà máy lọc dầu trong nước đã vận hành liên tục và duy trì công suất cao nhằm phục vụ nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tăng mạnh trước, trong và sau Tết Nguyên đán 2026, góp phần ổn định thị trường năng lượng trong nước trong giai đoạn cao điểm tiêu dùng.

Ngoài ra, nhu cầu tiêu dùng và đi lại của người dân tăng mạnh trong kỳ nghỉ Tết cũng được phản ánh qua các hoạt động kinh tế liên quan đến du lịch, bán lẻ và hàng không, khi nhiều nhà đầu tư đánh giá nhóm ngành này hưởng lợi từ xu hướng tiêu dùng và di chuyển gia tăng trong dịp lễ. Sự gia tăng lưu lượng đi lại và tiêu dùng này kéo theo nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho phương tiện vận tải và logistics tăng lên trong giai đoạn đầu năm.

### ▪ *Diễn biến giá:*

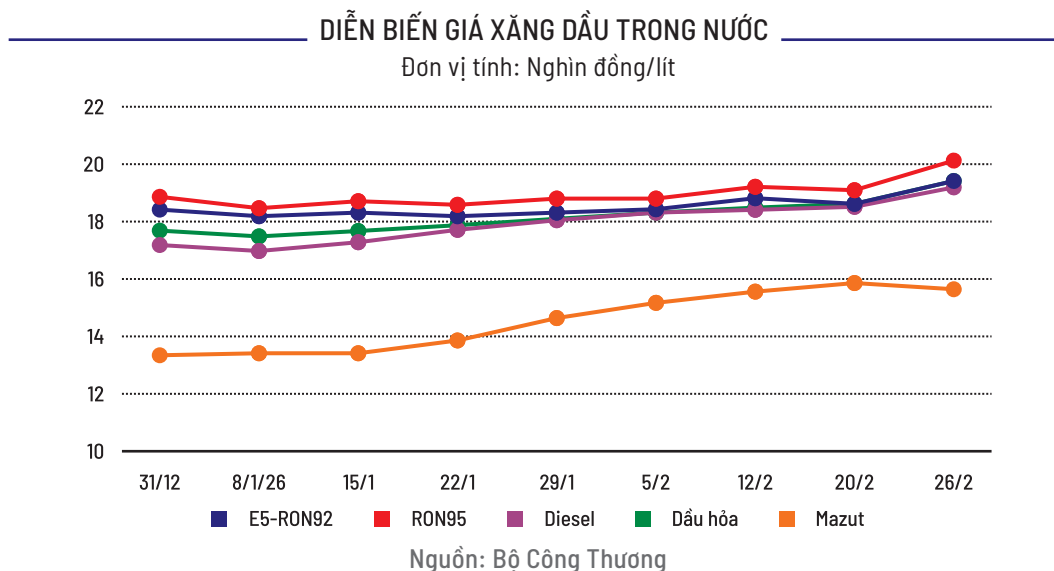
Trong đầu tháng 02/2026, giá xăng dầu bán lẻ trong nước được điều chỉnh tăng nhẹ theo diễn biến giá nhiên liệu trên thị trường thế giới. Tại kỳ điều hành ngày 05/02, liên Bộ Công Thương – Tài chính đã điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu với mức tăng nhẹ, trong đó xăng E5RON92 tăng lên khoảng 18.439 đồng/lít, còn xăng RON95-III ở mức khoảng 18.880 đồng/lít.

Đến kỳ điều hành ngày 20/02/2026, giá xăng trong nước được điều chỉnh giảm nhẹ so với kỳ trước. Theo quyết định của cơ quan quản lý, xăng E5RON92 được điều chỉnh xuống mức tối đa khoảng 18.634 đồng/lít, trong khi xăng RON95-III ở mức khoảng 19.152 đồng/lít. Trong khi đó, giá các mặt hàng dầu có xu hướng tăng nhẹ, với dầu diesel 0.05S ở mức khoảng 18.525 đồng/lít.

Sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, giá xăng dầu trong nước tăng mạnh trở lại. Tại kỳ điều hành ngày 26/02, liên Bộ Công Thương – Tài chính quyết định tăng giá bán lẻ đối với hầu hết các mặt hàng xăng dầu. Cụ thể, xăng E5RON92 tăng lên khoảng 19.523 đồng/lít (tăng 889 đồng/lít), còn xăng RON95-III tăng lên khoảng 20.151 đồng/lít (tăng 999 đồng/lít).

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 03/2026

Đối với các sản phẩm dầu trong cùng kỳ điều hành ngày 26/02/2026, giá bán lẻ cũng được điều chỉnh theo hướng tăng. Cụ thể, dầu diesel 0.05S tăng lên khoảng 19.279 đồng/lít, dầu hỏa khoảng 19.469 đồng/lít, trong khi dầu mazut 180CST 3.5S giảm nhẹ xuống khoảng 15.689 đồng/kg.



## 1.2. Dự báo

### 1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

#### ▪ Cung dầu mỏ:

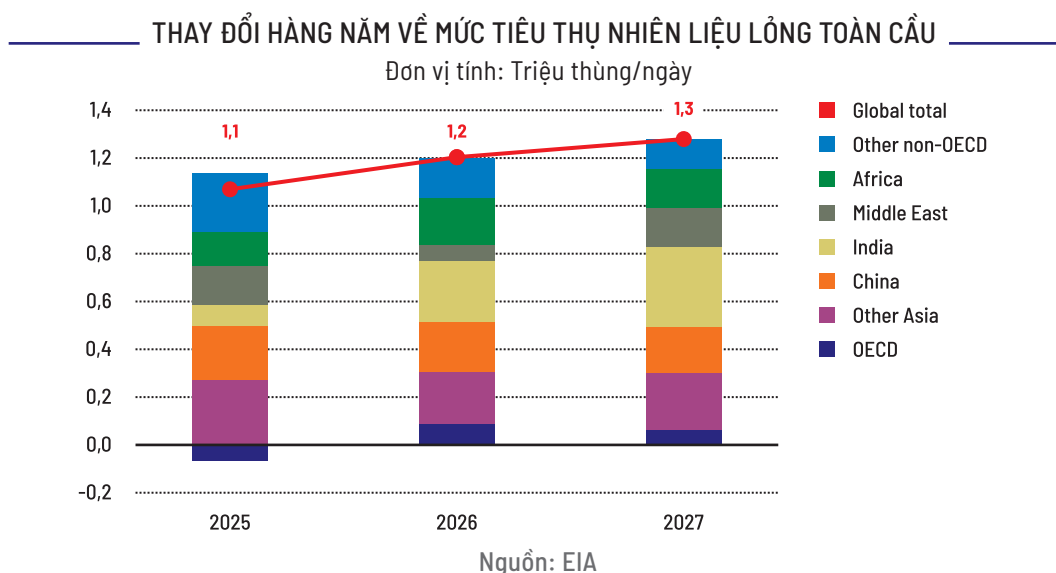
Nhìn chung, các báo cáo công bố trong tháng 02/2026 cho thấy nguồn cung dầu thế giới có xu hướng tăng mạnh trong năm 2026, chủ yếu nhờ sản lượng gia tăng từ các nước ngoài OPEC+ và khả năng điều chỉnh sản lượng của OPEC+. Cụ thể:

Theo Báo cáo Thị trường Dầu mỏ tháng 02/2026 của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), nguồn cung dầu toàn cầu được dự báo tiếp tục tăng trong năm 2026. Cụ thể, tổng **nguồn cung dầu** thế giới có thể **tăng thêm khoảng 2,4 triệu thùng/ngày**, đưa tổng sản lượng lên mức trung bình khoảng 108,6 triệu thùng/ngày. Sự gia tăng này được cho là đến từ cả các nước ngoài và trong khối OPEC+, trong đó nhóm ngoài OPEC+ đóng góp phần lớn mức tăng nhờ sản lượng từ các quốc gia như Mỹ, Brazil và Guyana.

Ngoài ra, báo cáo thị trường dầu mỏ của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) công bố trong tháng 02/2026 cũng cho thấy dấu hiệu dư cung trong ngắn hạn. Theo đó, **OPEC dự báo** nhu cầu đối với dầu thô của khối **OPEC+ trong quý II/2026 chỉ đạt khoảng 42,20 triệu thùng/ngày**, giảm so với mức 42,60 triệu thùng/ngày trong quý I/2026, cho thấy lượng dầu cần thiết từ OPEC+ có xu hướng giảm.

Bên cạnh đó, liên minh OPEC+ đang xem xét tăng sản lượng dầu thêm khoảng 137.000 thùng/ngày từ tháng 04/2026, sau giai đoạn tạm dừng điều chỉnh sản lượng trong những tháng đầu năm. Động thái này nhằm chuẩn bị cho mùa cao điểm tiêu thụ năng lượng vào mùa Hè, đồng thời góp phần bảo đảm nguồn cung trên thị trường dầu mỏ toàn cầu trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông vẫn tiềm ẩn nguy cơ gián đoạn nguồn cung.

Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cũng đưa ra dự báo tương tự về xu hướng dư cung. Theo báo cáo triển vọng năng lượng ngắn hạn, sản lượng dầu toàn cầu được dự báo tiếp tục tăng nhanh hơn tốc độ tiêu thụ, khiến tồn kho dầu toàn cầu tăng trung bình khoảng 3,1 triệu thùng/ngày trong năm 2026.



▪ **Cấu dầu mỏ:**

Trong tháng 02/2026, nhiều tổ chức năng lượng quốc tế đã công bố các báo cáo cập nhật về triển vọng nhu cầu dầu thế giới, cho thấy thị trường dầu mỏ toàn cầu tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng nhưng với tốc độ thận trọng hơn so với các năm trước.

Theo Báo cáo Thị trường Dầu mỏ tháng 02/2026 của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), nhu cầu dầu toàn cầu trong năm 2026 được dự báo tăng khoảng 850.000 thùng/ngày, cao hơn mức tăng khoảng 770.000 thùng/ngày của năm 2025. Mức tăng trưởng nhu cầu chủ yếu đến từ các nền kinh tế ngoài OECD, trong đó Trung Quốc được dự báo tiếp tục là quốc gia đóng góp lớn nhất vào mức tăng nhu cầu dầu toàn cầu.

Trong khi đó, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) trong báo cáo thị trường tháng 02/2026 tiếp tục duy trì đánh giá nhu cầu dầu toàn cầu vẫn tăng trưởng ổn định trong trung hạn, và không thay đổi dự báo tăng trưởng nhu cầu trong năm 2026 so với báo cáo trước đó. Theo OPEC, nhu cầu dầu đối với dầu thô của khối OPEC+ trong năm 2026 ước khoảng 43 triệu thùng/ngày.

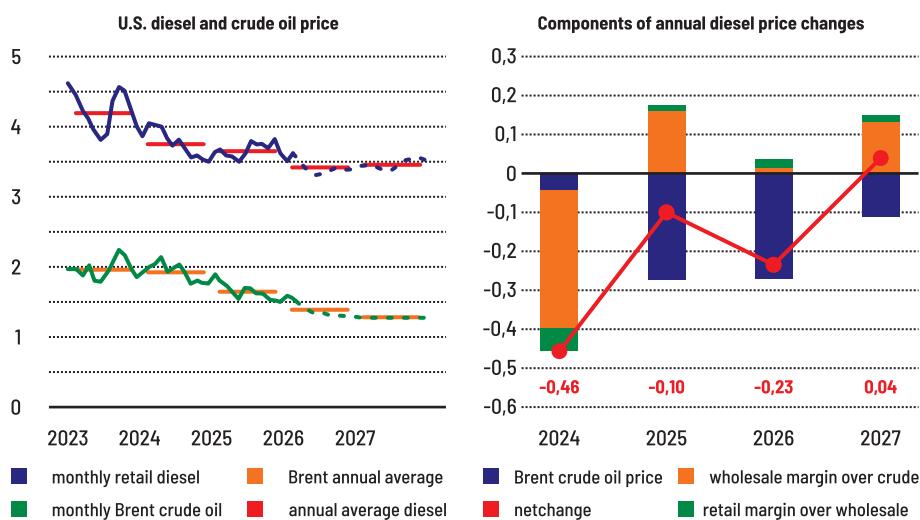
Ngoài các dự báo ngắn hạn, một số tổ chức phân tích thị trường cũng đưa ra nhận định dài hạn về xu hướng tiêu thụ dầu. Theo báo cáo cập nhật tháng 02/2026 của Vitol, nhu cầu dầu toàn cầu có thể đạt đỉnh vào khoảng giữa những năm 2030, với mức tiêu thụ có thể lên tới khoảng 112 triệu thùng/ngày, cao hơn so với các dự báo trước đó.

Bên cạnh đó, Cuba đang đối mặt với nguy cơ cạn kiệt dự trữ dầu do nguồn cung bị gián đoạn bởi các lệnh trừng phạt và sự sụt giảm nhập khẩu, cho thấy nhu cầu năng lượng tại một số nền kinh tế vẫn phụ thuộc lớn vào nguồn cung dầu truyền thống và dễ bị tổn thương trước các cú sốc địa chính trị.

▪ **Diễn biến giá:**

Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) trong báo cáo triển vọng năng lượng ngắn hạn cập nhật đầu năm 2026, giá dầu Brent được dự báo trung bình khoảng 56 USD/thùng trong năm 2026, giảm so với mức trung bình năm 2025. Nguyên nhân chính là do nguồn cung dầu toàn cầu dự kiến tăng nhanh hơn nhu cầu, khiến tồn kho dầu tích lũy và tạo áp lực giảm lên giá dầu trong giai đoạn tới.

DỰ BÁO GIÁ DẦU DIESEL VÀ DẦU THÔ CỦA HOA KỲ



Nguồn: EIA

Bên cạnh đó, Goldman Sachs trong báo cáo công bố tháng 02/2026 đã điều chỉnh tăng dự báo giá dầu năm 2026. Cụ thể, ngân hàng này dự báo giá dầu Brent trung bình khoảng 64 USD/thùng trong năm 2026, trong khi dầu WTI có thể đạt khoảng 60 USD/thùng. Việc điều chỉnh tăng dự báo chủ yếu phản ánh tình trạng tồn kho dầu tại các nước OECD giảm và rủi ro địa chính trị vẫn duy trì, dù thị trường dầu vẫn được đánh giá có khả năng dư cung trong năm.

Tuy nhiên, các diễn biến địa chính trị gần đây đang khiến thị trường dầu mỏ trở nên biến động mạnh. Xung đột quân sự tại Trung Đông, đặc biệt liên quan đến Iran và các tuyến vận chuyển dầu qua eo biển Hormuz, đã làm gián đoạn một phần nguồn cung dầu toàn cầu. Thị trường phản ứng mạnh khi giá dầu Brent tăng lên hơn 90 USD/thùng, mức tăng mạnh nhất trong nhiều năm.

Eo biển Hormuz là tuyến vận chuyển quan trọng của ngành năng lượng thế giới, chiếm khoảng 20% lượng dầu vận chuyển toàn cầu. Việc gián đoạn vận tải qua khu vực này có thể khiến thị trường dầu nhanh chóng chuyển từ trạng thái dư cung sang thiếu hụt, giá dầu có thể lên tới 150 USD/thùng trong những tuần tới nếu các tàu chở dầu không thể đi qua eo biển này, tạo áp lực tăng giá dầu trong ngắn hạn.

### 1.2.2. Thị trường trong nước

#### ▪ *Cung dầu mỏ:*

Trước diễn biến phức tạp trên thế giới, Bộ Công thương đã có chỉ đạo nóng đến các thương nhân đầu mối xăng dầu xây dựng kịch bản ứng phó, đa dạng hóa nguồn cung, bao gồm cả nguồn trong nước và nhập khẩu; chủ động nguồn hàng, duy trì dự trữ, không để xảy ra tình trạng gián đoạn nguồn cung tại thị trường trong nước. Đặc biệt, Cục Quản lý và phát triển thị trường trong nước (Bộ Công thương) yêu cầu các thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu bảo đảm các nhà máy lọc dầu trong nước vận hành an toàn, ổn định, cung ứng đủ sản lượng theo kế hoạch, “tuyệt đối không để xảy ra tình trạng gián đoạn nguồn cung trong toàn hệ thống, từ đầu mối đến cửa hàng bán lẻ”.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp năng lượng cũng đang chủ động xây dựng kế hoạch bảo đảm nguồn cung trong bối cảnh thị trường dầu mỏ thế giới biến động. Theo đại diện một doanh nghiệp xăng dầu lớn, các thương nhân đầu mối đã chủ động nhập khẩu và chuẩn bị nguồn hàng cho các tháng đầu năm, do đó nguy cơ gián đoạn nguồn cung trong nước trong ngắn hạn được đánh giá là thấp.

Ngoài ra, phía doanh nghiệp cũng cho biết các nhà máy lọc dầu trong nước đang vận hành ổn định và có kế hoạch tăng công suất nhằm bảo đảm nguồn cung. Nhà máy Lọc dầu Dung Quất hiện duy trì vận hành ở mức khoảng 124 - 125% công suất thiết kế, nhằm tăng sản lượng sản phẩm xăng dầu cung ứng cho thị trường, đặc biệt trong giai đoạn nhu cầu tiêu thụ tăng cao đầu năm 2026.

#### ▪ *Cầu dầu mỏ:*

Trong các đề xuất điều chỉnh quy hoạch năng lượng quốc gia công bố đầu năm 2026, tổng nhu cầu năng lượng cuối cùng của Việt Nam được dự báo có thể đạt khoảng 120 - 130 triệu tấn dầu quy đổi vào năm 2030, tăng mạnh so với hiện nay. Điều này cho thấy nhu cầu tiêu thụ năng lượng, trong đó có dầu và các sản phẩm dầu mỏ, được dự báo tiếp tục tăng đáng kể cùng với tăng trưởng kinh tế và nhu cầu năng lượng của các ngành sản xuất.

Ở góc độ quản lý, Bộ Công Thương cũng cho biết tổng nguồn xăng dầu tối thiểu phân giao cho thị trường năm 2026 lên tới gần 31,8 triệu m<sup>3</sup>/tấn, tương đương khoảng 2,65 triệu m<sup>3</sup>/tấn mỗi tháng, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu ngày càng tăng của nền kinh tế. Việc phân giao nguồn cung ở mức cao phản ánh kỳ vọng nhu cầu xăng dầu trong nước tiếp tục duy trì xu hướng tăng cùng với tăng trưởng sản xuất, vận tải và tiêu dùng năng lượng trong thời gian tới.

Ngoài ra, các báo cáo thị trường cũng cho thấy ngành dầu khí Việt Nam đang bước vào giai đoạn tăng trưởng mới khi nhu cầu năng lượng trong nước duy trì xu hướng tăng. Theo đánh giá của các chuyên gia, sự gia tăng nhu cầu năng lượng tại Việt Nam chủ yếu đến từ tăng trưởng sản xuất công nghiệp, mở rộng hệ thống logistics và gia tăng nhu cầu vận tải, khiến nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm dầu mỏ và nhiên liệu tiếp tục duy trì ở mức cao trong giai đoạn tới.

### ▪ *Diễn biến giá:*

Vào cuối tháng 02/2026, Viện Dầu khí Việt Nam (VPI) cho biết giá bán lẻ xăng dầu trong nước được dự báo có thể tiếp tục tăng trong các kỳ điều hành tiếp theo. Nguyên nhân chủ yếu đến từ xu hướng tăng của giá dầu thô và các sản phẩm xăng dầu thành phẩm trên thị trường thế giới, cùng với các yếu tố địa chính trị và biến động nguồn cung năng lượng toàn cầu. Theo đánh giá của VPI, nếu giá dầu thế giới duy trì ở mức cao và cơ quan quản lý không sử dụng hoặc chỉ sử dụng hạn chế Quỹ bình ổn giá xăng dầu, giá bán lẻ nhiên liệu trong nước có khả năng tiếp tục điều chỉnh theo xu hướng tăng trong các kỳ điều hành sắp tới nhằm phản ánh đúng diễn biến của thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, các dự báo thị trường trước các kỳ điều hành giá cũng cho thấy giá xăng dầu trong nước có thể tiếp tục tăng theo xu hướng của thị trường năng lượng toàn cầu. Một số ước tính cho rằng trong kỳ điều chỉnh tiếp theo, xăng RON95-III có thể tăng khoảng 810 đồng/lít, xăng E5 RON92 tăng khoảng 730 đồng/lít và dầu diesel tăng khoảng 770 đồng/lít so với kỳ điều hành trước đó. Mức tăng này phản ánh áp lực từ việc giá dầu thế giới duy trì ở mức cao, đồng thời cho thấy thị trường trong nước vẫn chịu tác động trực tiếp từ biến động của thị trường năng lượng quốc tế.

## 2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

### 2.1. Thông tin trong kỳ

#### 2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

##### ▪ *Cung khí:*

Trong tháng 02/2026, thị trường khí tự nhiên toàn cầu ghi nhận sự gia tăng hoạt động thương mại LNG, đặc biệt là tại khu vực châu Á. Theo báo cáo thị trường khí của Diễn đàn Các nước Xuất khẩu Khí (GECF), thương mại khí tự nhiên toàn cầu trong đầu năm 2026 tăng chủ yếu nhờ lượng khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) nhập khẩu tăng, khi nhiều quốc gia châu Á gia tăng mua LNG để bảo đảm nguồn cung năng lượng trong mùa đông.

Ngoài ra, một số hoạt động thương mại LNG trong tháng 02/2026 cũng cho thấy xu hướng đa dạng hóa nguồn cung khí tại nhiều quốc gia. Ngày 2/2, một liên doanh năng lượng của Hy Lạp đã công bố kế hoạch cung cấp LNG từ Mỹ sang Ukraine thông qua hệ thống cảng LNG và đường ống tại Đông Âu, nhằm bổ sung nguồn cung khí cho khu vực trong bối cảnh châu Âu đang tìm cách giảm phụ thuộc vào nguồn khí từ Nga.

Bên cạnh đó, châu Âu tiếp tục tăng cường các hoạt động hỗ trợ nguồn cung khí cho Ukraine nhằm đảm bảo an ninh năng lượng trong mùa đông, Ba Lan đã nâng công suất xuất khẩu khí đốt sang Ukraine thông qua hệ thống đường ống liên kết giữa hai nước. Việc mở rộng này được triển khai theo lộ trình từ đầu năm 2026, trong đó công suất vận chuyển khí từ Ba Lan sang Ukraine có thể tăng từ khoảng 15,3 triệu m<sup>3</sup>/ngày lên khoảng 18,4 triệu m<sup>3</sup>/ngày vào cuối tháng 4/2026.

##### ▪ *Cầu khí:*

Theo Báo cáo Thị trường Khí tháng 02/2026 của Diễn đàn Các nước Xuất khẩu Khí (GECF), nhu cầu khí tự nhiên tại nhiều khu vực tiếp tục duy trì ở mức cao trong mùa đông, đặc biệt tại châu Âu và Đông Bắc Á. Nhiệt độ thấp hơn trung bình trong một số giai đoạn đã làm gia tăng nhu cầu khí phục vụ sưởi ấm và phát điện, khiến lượng khí rút khỏi kho dự trữ tại châu Âu tăng nhanh trong tháng.

Tại châu Á, nhu cầu LNG ghi nhận xu hướng tăng tại một số thị trường nhập khẩu lớn như Trung Quốc và Ấn Độ, khi giá LNG trên thị trường quốc tế giảm so với các giai đoạn trước. Ngoài Trung Quốc, nhiều quốc gia Đông Nam Á cũng ghi nhận nhu cầu LNG tăng trong tháng khi khu vực ngày càng phụ thuộc vào nguồn khí nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu điện và năng lượng. Theo dữ liệu thị trường LNG quốc tế, Thái Lan, Singapore và Philippines tiếp tục duy trì nhập khẩu LNG ổn định để phục vụ phát điện và nhu cầu công nghiệp. Đáng chú ý, Philippines đang tăng dần khối lượng nhập khẩu để bù đắp sự suy giảm sản lượng khí tại mỏ Malampaya, trong khi Thái Lan duy trì mức nhập khẩu LNG khoảng 10–11 triệu tấn/năm để bổ sung cho nguồn khí nội địa đang suy giảm.

Tại châu Âu, nhu cầu khí tự nhiên tăng mạnh do điều kiện thời tiết mùa đông khắc nghiệt khiến nhu cầu sưởi ấm gia tăng. Theo thông tin từ thị trường năng lượng châu Âu, lượng khí trong các kho dự trữ của Đức đã giảm xuống còn hơn 30% công suất trong tháng 2, khi tốc độ rút khí khỏi kho dự trữ tăng nhanh để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong mùa đông. Mặc dù mức dự trữ giảm mạnh đã làm dấy lên lo ngại về an ninh năng lượng, giới chức Đức cho biết nguồn cung khí vẫn được đảm bảo nhờ việc đa dạng hóa nguồn nhập khẩu, mở rộng hạ tầng LNG và tăng cường nguồn khí đường ống từ Na Uy.

Tại Hoa Kỳ, nhu cầu khí tự nhiên tiếp tục tăng trong tháng 02/2026 do nhu cầu tiêu thụ khí cho sưởi ấm và phát điện tăng cao trong mùa đông. Theo dữ liệu của Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA), tiêu thụ khí tại khu vực dân cư và thương mại tăng đáng kể trong các đợt lạnh, đồng thời nhu cầu khí cho phát điện cũng tăng khi nhiều nhà máy điện khí hoạt động để đáp ứng nhu cầu điện mùa đông.

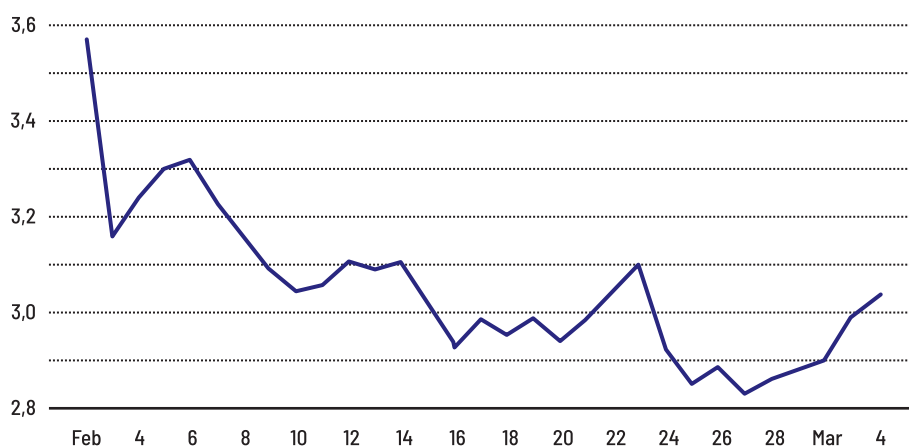
### ▪ *Diễn biến giá:*

Trong tháng 02/2026, giá LNG giao ngay tại khu vực Đông Bắc Á - khu vực tiêu thụ LNG lớn nhất thế giới - ghi nhận xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước. Theo báo cáo thị trường khí của Diễn đàn Các nước Xuất khẩu Khí (GECF), giá LNG chuẩn tại Đông Bắc Á (JKM) đạt trung bình khoảng 10,43 USD/MMBtu, tăng khoảng 5% so với tháng 01/2026. Mức tăng này chủ yếu phản ánh nhu cầu nhập khẩu LNG gia tăng tại châu Á trong mùa đông, trong khi một số người mua nhạy cảm về giá đã giảm mua trên thị trường giao ngay.

Tại châu Âu, giá khí tự nhiên chuẩn TTF ghi nhận biến động mạnh trong tháng 02/2026. Trong một số phiên giao dịch, giá khí TTF đã tăng khoảng 10,5% lên mức 36,66 EUR/MWh, khi thị trường phản ứng với các đợt không khí lạnh tại châu Âu và lượng khí trong kho dự trữ giảm nhanh. Nhu cầu sưởi ấm gia tăng cùng với mức dự trữ thấp hơn mức trung bình 5 năm đã khiến giá khí tại châu Âu tăng mạnh trong giai đoạn này.

### DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: Investing

### 2.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 02/2026, thị trường khí trong nước ghi nhận nhiều động thái nhằm bảo đảm nguồn cung khí cho sản xuất điện và công nghiệp trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu biến động. Theo thông tin từ Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS), doanh nghiệp đã chủ động thu xếp các nguồn LNG nhập khẩu để duy trì nguồn cung ổn định cho thị trường.

Bên cạnh đó, PV GAS cho biết lượng LNG tồn kho khả dụng khoảng 15.000 tấn tại hệ thống kho cảng LNG Thị Vải, qua đó giúp đảm bảo nguồn cung khí cho sản xuất điện ít nhất đến hết tháng 4/2026. Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông khiến chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu có nguy cơ gián đoạn, việc duy trì tồn kho và chủ động nhập khẩu LNG được xem là giải pháp quan trọng để đảm bảo ổn định thị trường khí trong nước.

Ngoài ra, thị trường LPG trong nước cũng ghi nhận sự phụ thuộc đáng kể vào nguồn nhập khẩu. Theo các doanh nghiệp trong ngành, khoảng 70% lượng LPG tiêu thụ tại Việt Nam được nhập khẩu từ khu vực Trung Đông, trong khi phần còn lại đến từ nguồn sản xuất trong nước. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cho biết đã chủ động đa dạng hóa nguồn cung và tăng sản lượng LPG nội địa nhằm giảm thiểu rủi ro gián đoạn nguồn cung trong bối cảnh thị trường năng lượng quốc tế biến động.

Cụ thể, Tổng Công ty Khí Việt Nam (Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam) cho biết, doanh nghiệp này đã triển khai đa dạng hóa nguồn hàng LPG nhập khẩu ngoài Trung Đông; đồng thời cân đối nguồn hàng nhập khẩu đảm bảo nhu cầu trong nước so với nhu cầu xuất khẩu cho thị trường nước ngoài. Song song, Tổng Công ty Khí Việt Nam cũng tăng lượng LPG sản xuất nội địa của hai Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, Cà Mau phù hợp với việc tăng huy động nguồn khí thiên nhiên trong nước về bờ, dự kiến tăng 5% sản lượng khí cung cấp cho thị trường. Cùng đó là tiếp tục tận dụng mô hình cung cấp giải pháp năng lượng tích hợp cho khách hàng (đã triển khai từ 2023) để khách hàng có thể sử dụng khí thiên nhiên đường ống, CNG, LNG thay thế cho LPG khi cần.

## 2.2. Dự báo

### 2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

#### ▪ *Cung khí:*

Trong tháng 02/2026, nguồn cung khí tự nhiên toàn cầu tiếp tục được hỗ trợ bởi sự gia tăng sản lượng và xuất khẩu LNG từ Bắc Mỹ, đặc biệt là Hoa Kỳ. Sau khi lần đầu tiên vượt mốc 100 triệu tấn LNG xuất khẩu trong năm 2025, Mỹ tiếp tục mở rộng công suất hóa lỏng tại các cơ sở ven Vịnh Mexico như Corpus Christi và Plaquemines LNG, góp phần duy trì vị thế là một trong những nhà cung cấp LNG lớn nhất thế giới.

Bên cạnh đó, nguồn cung từ Mỹ, Qatar cũng tiếp tục củng cố vị thế trên thị trường thông qua việc ký kết các hợp đồng cung cấp LNG dài hạn với nhiều đối tác quốc tế. Trong tháng 02/2026, công ty năng lượng quốc gia QatarEnergy đã ký thỏa thuận cung cấp khoảng 2 triệu tấn LNG mỗi năm trong thời hạn 20 năm cho Petronas (Malaysia), nhằm bảo đảm nguồn cung khí ổn định cho thị trường khu vực châu Á.

Tại Bắc Phi, Libya đang đẩy mạnh chiến lược gia tăng sản lượng và xuất khẩu khí nhằm tận dụng khoảng trống nguồn cung tại thị trường châu Âu khi Liên minh châu Âu (EU) đặt mục tiêu chấm dứt nhập khẩu khí đốt từ Nga vào năm 2027. Chính phủ Libya cho biết nước này đang triển khai kế hoạch tăng sản lượng khí tự nhiên và thúc đẩy xuất khẩu sang châu Âu trong những năm tới, tận dụng trữ lượng khí đốt ước tính khoảng 80 nghìn tỷ feet khối của quốc gia này.

Ở khu vực Bắc Mỹ, nguồn cung LNG toàn cầu tiếp tục được củng cố nhờ sự bùng nổ xuất khẩu khí tự nhiên hóa lỏng từ Hoa Kỳ. Các dự án LNG quy mô lớn như Plaquemines LNG và Corpus Christi giai đoạn 3 đang mở rộng công suất xuất khẩu, góp phần gia tăng nguồn cung LNG cho thị trường quốc tế. Theo các báo cáo ngành năng lượng, công suất xuất khẩu LNG của Mỹ dự kiến tiếp tục tăng mạnh trong những năm tới nhờ hàng loạt dự án hóa lỏng mới đi vào hoạt động, qua đó giúp nước này duy trì vai trò là một trong những nhà cung cấp LNG lớn nhất thế giới.

### ■ *Cầu khí:*

Trong tháng 02/2026, các báo cáo thị trường năng lượng quốc tế cho thấy nhu cầu khí tự nhiên toàn cầu được dự báo tiếp tục tăng trong năm 2026 nhờ sự gia tăng nguồn cung LNG và nhu cầu năng lượng tại các nền kinh tế đang phát triển.

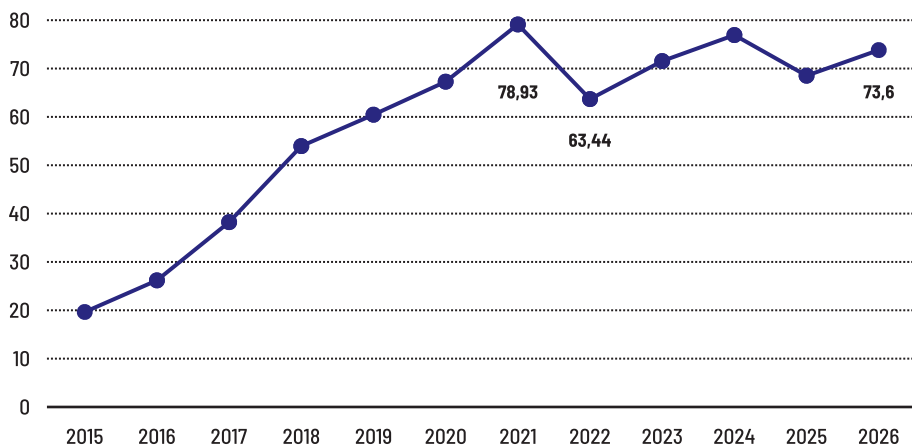
Theo Báo cáo Gas Market Report của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), nhu cầu khí tự nhiên toàn cầu có thể tăng khoảng gần 2% trong năm 2026, cao hơn so với mức tăng trưởng của năm trước. Động lực chính của mức tăng này đến từ Trung Quốc và các nền kinh tế châu Á mới nổi, nơi nhu cầu khí tăng mạnh nhờ mở rộng phát điện bằng khí và nhu cầu năng lượng cho sản xuất công nghiệp.

Tập đoàn năng lượng Shell cũng đưa ra đánh giá tích cực về triển vọng tăng trưởng nhu cầu LNG toàn cầu. Shell cho rằng nhu cầu LNG toàn cầu trong dài hạn sẽ tiếp tục gia tăng mạnh, khi LNG ngày càng được sử dụng rộng rãi cho phát điện, công nghiệp và giao thông vận tải, đặc biệt tại các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á. Theo các phân tích trong báo cáo triển vọng LNG của Shell, nhu cầu LNG toàn cầu có thể đạt khoảng 630–718 triệu tấn mỗi năm vào năm 2040, tăng đáng kể so với mức khoảng 407 triệu tấn trong năm 2024. Sự gia tăng này chủ yếu được thúc đẩy bởi tăng trưởng kinh tế tại châu Á, nhu cầu giảm phát thải trong các ngành công nghiệp nặng và nhu cầu năng lượng ngày càng tăng tại các thị trường mới nổi.

Bên cạnh đó, nhu cầu LNG tại Trung Quốc – thị trường nhập khẩu LNG lớn nhất thế giới – được dự báo có xu hướng phục hồi trong năm 2026 sau khi suy giảm trong năm trước. Theo phân tích của Reuters công bố ngày 10/02/2026, lượng LNG nhập khẩu của Trung Quốc có thể đạt khoảng 70,5 – 75,5 triệu tấn trong năm 2026, tăng khoảng 3–10% so với năm 2025.

**DỰ BÁO NHẬP KHẨU KHÍ TỰ NHIÊN HÓA LỎNG (LNG)  
CỦA TRUNG QUỐC SẼ PHỤC HỒI VÀO NĂM 2026**

Đơn vị tính: Triệu tấn



Nguồn: S&P Global Energy, ICIS, Rystad Energy, Kpler, Sublime China

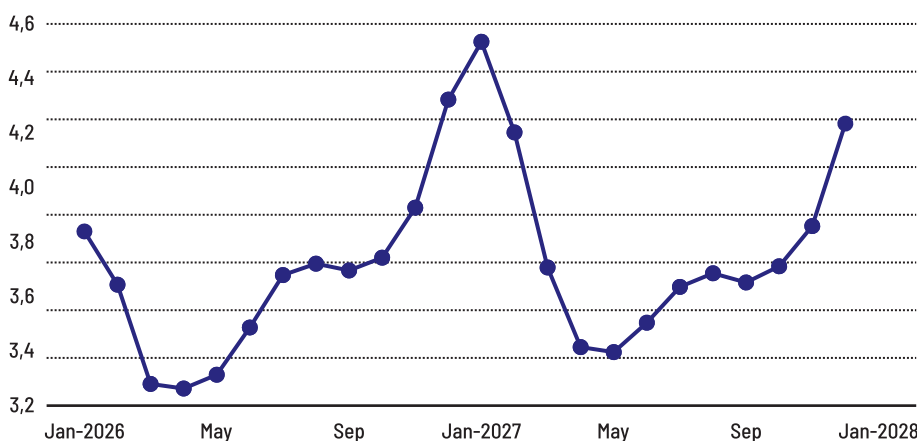
Tuy nhiên, mức nhập khẩu LNG của Trung Quốc trong năm 2026 vẫn được cho là thấp hơn mức tiêu thụ của năm 2024, do nhu cầu công nghiệp phục hồi chậm và mùa đông tương đối ôn hòa. Bên cạnh đó, nguồn cung khí trong nước của Trung Quốc tiếp tục tăng, với sản lượng khí nội địa dự kiến tăng thêm khoảng 12 tỷ m<sup>3</sup>, cùng với nguồn khí đường ống nhập khẩu từ Nga, đã phần nào hạn chế tốc độ tăng nhu cầu LNG nhập khẩu.

▪ **Diễn biến giá:**

Trong tháng 02/2026, Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (EIA) đã công bố cập nhật trong báo cáo Triển vọng năng lượng ngắn hạn, cho thấy giá khí tự nhiên chuẩn Henry Hub tại Mỹ được dự báo sẽ duy trì ở mức cao hơn so với giai đoạn trước do nhu cầu sưởi ấm mùa đông và mức tồn kho thấp. Theo EIA, giá khí Henry Hub trung bình năm 2026 có thể đạt khoảng 4,30 USD/MMBtu, tăng đáng kể so với mức giá thấp của các năm trước.

**DỰ BÁO GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN GIAO NGAY HENRY HUB GIAI ĐOẠN 2026-2027**

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: NGI

Ngoài ra, báo cáo thị trường khí của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cũng cho rằng việc nguồn cung LNG toàn cầu tăng mạnh trong năm 2026 sẽ giúp thị trường khí dần cân bằng hơn và giảm áp lực giá. Theo IEA, nguồn cung LNG toàn cầu có thể tăng khoảng 7% (tương đương khoảng 40 tỷ m<sup>3</sup>) trong năm 2026 – mức tăng nhanh nhất kể từ năm 2019 – nhờ các dự án hóa lỏng mới tại Mỹ, Canada và Qatar. Sự gia tăng nguồn cung này được kỳ vọng sẽ giúp ổn định thị trường khí và hạn chế biến động giá trong thời gian tới.

### **2.2.2. Thị trường trong nước**

Trong tháng 02/2026, nhiều đánh giá cho thấy thị trường khí Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới nhờ nhu cầu năng lượng tăng và quá trình chuyển dịch sang các nguồn năng lượng sạch hơn. Theo các phân tích ngành năng lượng, giai đoạn 2026–2028 được xem là chu kỳ tăng trưởng mới của ngành dầu khí và khí tự nhiên tại Việt Nam, khi hàng loạt yếu tố hỗ trợ xuất hiện như hoàn thiện hành lang pháp lý, triển khai các dự án khí lớn và mở rộng hạ tầng LNG. Đặc biệt, các dự án khí – điện trọng điểm như Lô B – Ô Môn và xu hướng phát triển khí LNG theo Quy hoạch điện VIII (PDP8) được kỳ vọng sẽ thúc đẩy mạnh nhu cầu khí cho phát điện và công nghiệp trong những năm tới.

Sự phát triển của thị trường LNG được xem là động lực quan trọng cho tăng trưởng thị trường khí Việt Nam trong trung và dài hạn. Theo các phân tích thị trường, nhu cầu khí tự nhiên tại Việt Nam có thể tăng trưởng trung bình khoảng 5% mỗi năm trong dài hạn, nhờ sự mở rộng của các nhà máy điện khí, nhu cầu năng lượng của nền kinh tế và quá trình chuyển dịch năng lượng sang các nguồn phát thải thấp hơn.

Bên cạnh đó, PV GAS đã xác định giai đoạn 2026-2030 là thời kỳ then chốt cho đầu tư cơ sở hạ tầng. Tập đoàn dự kiến đầu tư tổng cộng 3,5 tỷ USD để đảm bảo tăng trưởng dài hạn. Mục tiêu là tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm từ 8% đến 10%, với khả năng nắm giữ toàn bộ thị trường khí đốt tự nhiên của Việt Nam và chiếm từ 65% đến 75% thị trường LPG và LNG quốc gia.

### 3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

#### 3.1. Thông tin trong kỳ

##### 3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

###### ▪ *Cung phân bón:*

Trong tháng 02/2026, Ấn Độ đã chốt mua 1,3 triệu tấn Urea giao tháng 4, gần như hút cạn lượng hàng giao ngay còn lại của tháng 3, khiến các khu vực khác gặp khó trong tìm nguồn cung. Nigeria cam kết bán khoảng 150.000 tấn cho Ấn Độ do lợi nhuận cao hơn so với Mỹ, làm hạn chế lượng hàng vào Mỹ trong tháng 4. Một số lô Urea từ cảng Adabiya (Ai Cập) dự kiến chuyển hướng sang Ấn Độ thay vì châu Âu.

Phần lớn phân bón nhập khẩu vào Mỹ tiếp tục được miễn thuế 10% theo sắc lệnh mới ký giữa tháng 02/2026, song Amoniac, lưu huỳnh và Axit Sulfuric chịu thuế 10% nếu không thuộc USMCA, điều này có thể làm giảm dòng hàng từ châu Âu, Nhật Bản, Đài Loan và Trinidad & Tobago.

Bên cạnh đó, Ấn Độ ký mua 600.000 tấn DAP từ Nga nhưng giao hàng chậm, làm gia tăng rủi ro logistics cho vụ Kharif, đồng thời Ma'aden ưu tiên Brazil hơn Ấn Độ, khiến nguồn cung thêm bất ổn. Thiếu hụt DAP buộc thị trường tăng sử dụng phân bón thay thế và làm trầm trọng mất cân bằng dinh dưỡng tại Ấn Độ. Nguồn cung Kali toàn cầu tiếp tục bị kìm hãm do thiếu dự án mới, trong bối cảnh đầu tư mở đòi hỏi vốn lớn và thời gian triển khai dài.

###### ▪ *Cầu phân bón:*

Nổi bật trong tháng 02/2026, các nhà nhập khẩu Mỹ đang cạnh tranh gay gắt với Canada để tiếp cận nguồn cung từ châu Phi. Các thị trường cần hàng giao tháng 4, đặc biệt là Mỹ và khu vực Đại Tây Dương, đối mặt nguy cơ thiếu hụt khi Ấn Độ đã hấp thụ phần lớn nguồn cung giao ngay của tháng 3. Đồng thời, xu hướng giá tăng sau gói thầu của Ấn Độ đã kích hoạt hoạt động mua bù giá tại Đông Nam Á và Mỹ.

Brazil đang đẩy mạnh thu mua DAP với khối lượng lớn, chấp nhận mức giá cao nhằm đảm bảo nguồn hàng. Tại Ấn Độ, DAP là mặt hàng tiêu thụ lớn thứ hai sau Urea, với sản lượng khoảng 10 triệu tấn/năm.

Tại Bắc Mỹ, nhu cầu Kali tăng do nhu cầu bổ sung dinh dưỡng sau vụ mùa kỷ lục và do thời gian bón phân mùa thu bị rút ngắn, khiến hoạt động mua bù dồn vào đầu năm 2026. Trong khi đó, do đặc tính tồn lưu dài trong đất của Phốt phát, nông dân có xu hướng giãn hoặc giảm mua mới, tận dụng lượng dinh dưỡng tồn dư, qua đó tạo áp lực ngắn hạn lên doanh số của các nhà cung cấp.

▪ **Diễn biến giá:**

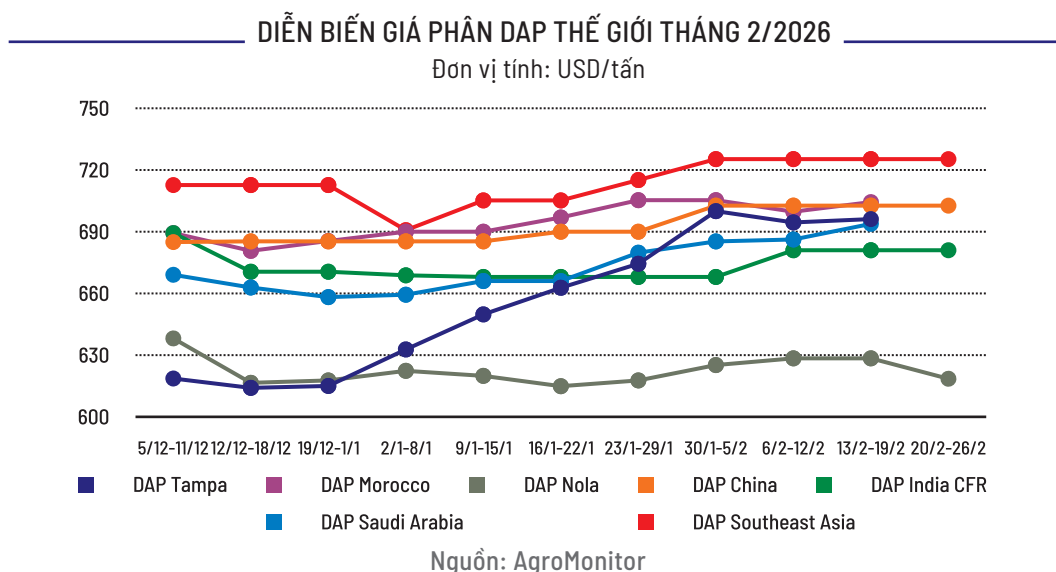
Trong tháng 02/2026, thị trường phân bón toàn cầu ghi nhận xu hướng tăng giá rõ rệt ở nhiều chủng loại chủ chốt, trong đó nổi bật là Urea, DAP và Kali. Động lực chính đến từ nhu cầu nhập khẩu mạnh tại một số thị trường lớn, đặc biệt là Ấn Độ và Brazil, cùng với yếu tố nguồn cung thắt chặt tại một số khu vực sản xuất trọng điểm.

Cuối tháng 02/2026, giá *Urea toàn cầu* tăng mạnh, đặc biệt tại khu vực Trung Đông và Đông Nam Á, tiệm cận vùng đỉnh của nhiều năm gần đây. Giá giao ngay tại Trung Đông đạt khoảng **490 USD/tấn FOB**. Tại Bắc Phi và Ai Cập, thị trường phục hồi nhờ lực mua từ Ấn Độ; giá *Urea hạt Ai Cập* tăng từ **480 - 485 USD/tấn lên 495 - 505 USD/tấn FOB** vào cuối tháng 2.

Tại *Bắc Mỹ*, trong tuần thứ hai của tháng 02/2026, giá bán lẻ phân bón đồng loạt tăng. Giá *Urea* tăng 5% so với tháng trước, đạt trung bình **601 USD/tấn**, lần đầu vượt mốc **600 USD/tấn kể từ tháng 10/2025**. Các mặt hàng khác cũng ghi nhận mức tăng nhẹ, với *DAP* ở mức **851 USD/tấn**, *MAP* **879 USD/tấn**, *Kali* **487 USD/tấn**, *10-34-0* đạt **665 USD/tấn**, *amoniac khan* **861 USD/tấn**, *UAN28* là **411 USD/tấn** và *UAN32* là **465 USD/tấn**.

Đối với *DAP*, giá thế giới vào cuối tháng 2 dao động khoảng **720 - 730 USD/tấn**, tăng hơn **50 USD/tấn so với giữa tháng**. Diễn biến này chủ yếu được hỗ trợ bởi các giao dịch mua khối lượng lớn của *Brazil*, với mức giá giao dịch có thời điểm lên tới **740 USD/tấn**.

Trong khi đó, *giá Kali* trong tháng 2 tiếp tục duy trì ở mặt bằng cao và tăng nhẹ so với tháng trước. Đến cuối tháng 02/2026, giá tại *Brazil và Ấn Độ đạt khoảng 570 - 580 USD/tấn*, trong khi tại *Mỹ*, giá bán lẻ phổ biến quanh **480 - 490 USD/tấn**, cho thấy mặt bằng giá nội địa vẫn được duy trì ở mức cao.



### 3.1.2. Thị trường trong nước

#### ▪ *Cung phân bón:*

Bước sang tháng 02/2026, Việt Nam cơ bản tự chủ nguồn cung Urea cho thị trường nội địa, qua đó giảm thiểu tác động từ các biến động địa chính trị tại Trung Đông. PVFCCo và PVCFC duy trì sản xuất ổn định ngay từ đầu năm 2026. Trong quý I/2026, Phân bón Cà Mau xuất khẩu khoảng 150.000 tấn, tăng 25% so với cùng kỳ; tiếp tục duy trì thị trường Úc (trên 32.000 tấn) và lần đầu xuất khẩu 40.000 tấn sang Mỹ trong tháng 02/2026.

Đối với DAP, hai nhà máy chủ lực là DAP Đình Vũ và DAP Lào Cai vận hành ổn định, đáp ứng nhu cầu cao điểm vụ Đông Xuân và Hè Thu sớm. Nguồn hàng trong tháng 02/2026 đảm bảo thực hiện các hợp đồng đã ký, không ghi nhận tình trạng thiếu hụt cục bộ tại nhà máy.

Ngược lại, nguồn cung Kali chịu áp lực từ rủi ro logistics do căng thẳng tại Trung Đông, làm gia tăng chi phí vận chuyển và bảo hiểm. Dù tổng lượng phân bón nhập khẩu về cảng Việt Nam giai đoạn cuối tháng 1 đến giữa tháng 02/2026 tăng khoảng 50% so với kỳ trước, lượng Kali cập cảng thực tế vẫn ở mức trung bình, chủ yếu là các đơn hàng ký từ cuối năm 2025.

#### ▪ *Cầu phân bón:*

Trong tháng 02/2026, nhu cầu Urea tăng do nông dân tập trung bón thúc lúa vụ Xuân sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, giai đoạn cây cần lượng đạm lớn để đẻ nhánh và phát triển sinh khối. Đồng thời, một số khu vực Đồng bằng sông Cửu Long bắt đầu chuẩn bị cho vụ Hè Thu sớm, tạo hiệu ứng nhu cầu nối tiếp giữa các vùng. Tâm lý lo ngại giá tăng do căng thẳng tại Trung Đông cũng thúc đẩy các đại lý tăng mua dự trữ.

Nhu cầu DAP ghi nhận tăng mạnh, đặc biệt tại khu vực phía Bắc và Tây Nguyên. Thị trường chịu tác động kép từ nguồn cung nhập khẩu hạn chế và tâm lý phòng ngừa rủi ro giá. Đơn đặt hàng gửi tới DAP Đình Vũ và DAP Lào Cai tăng đáng kể trong nửa cuối tháng 2, khi các đại lý và trang trại lớn đẩy mạnh mua vào nhằm đảm bảo nguồn cung cho tháng 3.

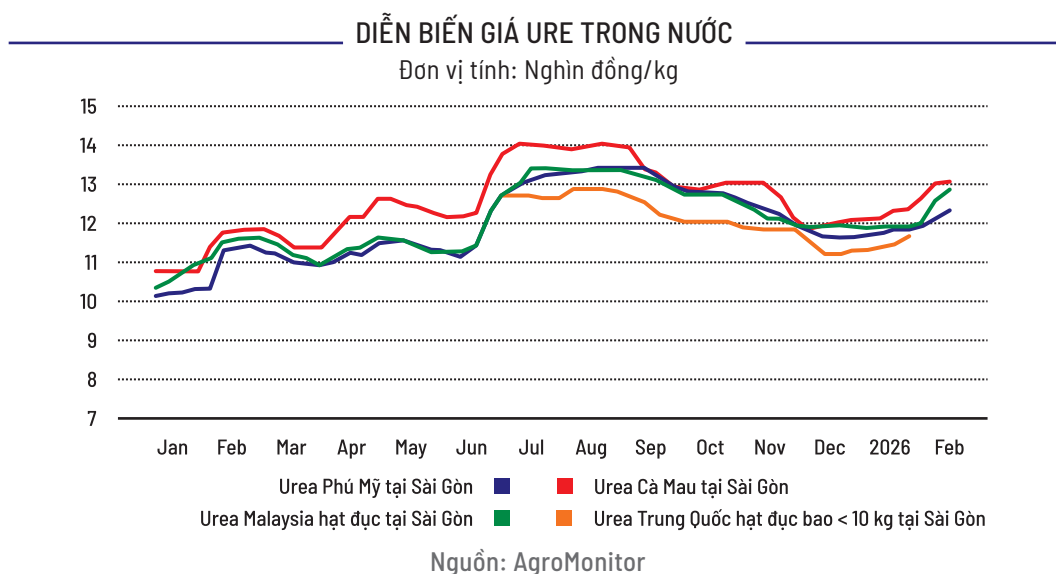
Đối với Kali, nhu cầu tăng nhẹ vào cuối tháng, lo ngại gián đoạn vận chuyển quốc tế khiến các đại lý lớn chủ động gia tăng dự trữ, phục vụ kế hoạch sản xuất quý II/2026.

#### ▪ *Diễn biến giá:*

Mặc dù nguồn cung không thiếu hụt, giá Urea trong nước tăng nhẹ trong nửa cuối tháng 02/2026 do tác động tâm lý từ thị trường thế giới và nhu cầu mùa vụ. Từ ngày 12/02, Đạm Cà Mau và một số doanh nghiệp điều chỉnh tăng giá xuất xưởng thêm khoảng 200 - 300 VNĐ/kg. Trong tháng 2, giá Đạm Cà Mau và Đạm Phú Mỹ dao động 580.000 - 640.000 VNĐ/bao (tùy khu vực), trong khi Đạm Hà Bắc và Đạm Ninh Bình ở mức 560.000 - 600.000 VNĐ/bao.

Giá lưu huỳnh nhập khẩu tăng nhẹ do gián đoạn chuỗi cung ứng tại Trung Đông, làm gia tăng chi phí sản xuất DAP. Cuối tháng 02/2026, giá DAP Đình Vũ và DAP Lào Cai phổ biến 19.000 - 20.300 VNĐ/kg, tăng nhẹ so với đầu tháng.

Đối với Kali, giá bán lẻ tại các vùng trọng điểm có xu hướng nhích lên trong tháng qua. Kali bột dao động 545.000 - 600.000 VNĐ/bao, Kali hạt miểng ở mức 575.000–625.000 VNĐ/bao. Trước lo ngại rủi ro nguồn cung quý II/2026, một số thương nhân và đại lý có xu hướng giữ hàng hoặc nâng giá chào bán.



### 3.2. Dự báo

#### 3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

##### ▪ *Cung phân bón:*

Nguồn cung phân bón toàn cầu đối mặt rủi ro đáng kể nếu căng thẳng tại Trung Đông leo thang. Khoảng một phần ba lượng phân bón xuất khẩu thế giới (bao gồm lưu huỳnh và amoniac) có nguy cơ bị gián đoạn khi eo biển Hormuz bị phong tỏa hoặc hạn chế lưu thông. Trong kịch bản kéo dài, 33% thương mại urê và 20% amoniac toàn cầu có thể bị ảnh hưởng, gây thiếu hụt cục bộ tại các thị trường nhập khẩu lớn như Brazil và Nam Á.

Đồng thời, rủi ro an ninh và giá khí tự nhiên cao có thể buộc các nhà máy tại Trung Đông và châu Âu cắt giảm công suất, làm suy giảm nguồn cung nitơ trong ngắn hạn.

Tác động lan tỏa cũng có thể ảnh hưởng đến phosphate, kali và lưu huỳnh do phụ thuộc vào hạ tầng logistics khu vực. Tuy nhiên, khác với phân đạm và lân, nguồn cung Kali giai đoạn 2026 được dự báo duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định, với công suất toàn cầu có thể tăng khoảng 20% đến năm 2029 nhờ mở rộng khai thác tại Canada, Nga và các dự án mới tại Lào.

### ▪ *Cầu phân bón:*

Các quốc gia nhập khẩu lớn, đặc biệt là Ấn Độ, đang đẩy mạnh mua vào nhằm đáp ứng nhu cầu nội địa và chuẩn bị cho các mùa vụ sắp tới. Diễn biến này có thể làm gia tăng cạnh tranh nguồn cung trong ngắn hạn, nhất là tại các thị trường phụ thuộc nhập khẩu.

Trong thời gian tới, nhu cầu Urea toàn cầu được dự báo duy trì ở mức cao, dẫn dắt bởi Ấn Độ và một số quốc gia châu Phi đang mở rộng tiêu thụ. Đối với nhóm DAP/MAP, tăng trưởng nhu cầu dự kiến ở mức thấp nhất trong các chủng loại phân bón do mặt bằng giá cao và nguồn cung hạn chế, khiến nông dân tại nhiều nước có xu hướng tối ưu hóa lượng bón hoặc chuyển sang sản phẩm thay thế.

Ngược lại, nhu cầu Kali được dự báo tăng trưởng ổn định trong năm 2026 nhờ mặt bằng giá đã điều chỉnh về mức hợp lý hơn so với giai đoạn 2022, khuyến khích hoạt động bón bù tại Brazil và Đông Nam Á. Đồng thời, nhu cầu phân đạm dự kiến tiếp tục tăng tại các thị trường châu Á và Mỹ Latinh, góp phần duy trì mặt bằng tiêu thụ Nitơ toàn cầu ở mức tích cực.

### ▪ *Diễn biến giá:*

Đầu tháng 3/2026, giá Urea thế giới tiếp tục xu hướng tăng do rủi ro địa chính trị tại Trung Đông và nhu cầu mua mạnh từ Ấn Độ. Trong quý II/2026, giá dự kiến duy trì ở mức cao, với Urea hạt đục FOB Trung Đông dao động khoảng 420 - 480 USD/tấn và thị trường Mỹ có thể neo trên 600 USD/tấn trong cao điểm vụ Xuân. Nửa cuối năm 2026, giá có thể hạ nhiệt khi nguồn cung mới gia tăng, Trung Quốc nối xuất khẩu và giá khí tự nhiên ổn định hơn; tuy nhiên, mặt bằng giá khó giảm sâu về mức thấp trước đây.

Đối với DAP/MAP, giá được dự báo khó giảm trong ngắn hạn do Trung Quốc tiếp tục hạn chế xuất khẩu và các rào cản thương mại tại Mỹ làm thắt chặt nguồn cung. Trong khi đó, giá Kali nhiều khả năng duy trì ổn định hoặc tăng nhẹ nhờ nguồn cung tương đối dồi dào. Dù vậy, rủi ro tăng giá phân bón vẫn hiện hữu do biến động khó lường của giá khí tự nhiên.

### 3.2.2. *Thị trường trong nước*

#### ▪ *Cung phân bón:*

Theo các đánh giá của Hiệp hội Phân bón Việt Nam, xung đột giữa Mỹ, Israel và Iran làm gia tăng lo ngại về gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, tuy nhiên tác động ngắn hạn đến Việt Nam hiện chưa lớn. Đối với Urea, Việt Nam cơ bản tự chủ nguyên liệu đầu vào nhờ sử dụng khí tự nhiên khai thác trong nước. Các nhà máy chủ lực như PVFCCo và PVCFC có lợi thế ổn định chi phí do không phụ thuộc vào khí nhập khẩu.

Ngược lại, với DAP – mặt hàng Việt Nam vẫn nhập khẩu khoảng 30 - 40% (chủ yếu từ Trung Quốc, Nga, Hàn Quốc) có rủi ro gián đoạn logistics tại Biển Đỏ và Trung Đông có thể kéo dài thời gian vận chuyển thêm 15 - 20 ngày, làm gia tăng nguy cơ thiếu hụt cục bộ trong tháng 3 - 4/2026.

Đối với Kali, dù Nga và Belarus là nguồn cung quan trọng, các lệnh trừng phạt và khó khăn thanh toán quốc tế có thể tiếp tục thu hẹp dòng chảy thương mại trong quý I/2026, buộc doanh nghiệp trong nước tìm kiếm nguồn thay thế từ Canada hoặc Lào.

### ▪ *Cầu phân bón:*

Theo dự báo của Công ty Chứng khoán MBS, tổng sản lượng tiêu thụ phân bón nội địa năm 2026 ước đạt khoảng 10,7 triệu tấn, tăng 2% so với năm trước. Ure tiếp tục là chủng loại có nhu cầu lớn nhất, trong đó các vụ lúa Đông Xuân và Hè Thu chiếm hơn 50% tổng lượng tiêu thụ.

Nhu cầu DAP được dự báo tăng mạnh tại Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, nhờ diện tích cây ăn trái và cây công nghiệp duy trì hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, mặt bằng giá nhập khẩu cao có thể khiến người mua thận trọng hơn trong quyết định mua hàng.

Đối với Kali, hành vi mua dự kiến biến động theo hướng tăng tích trữ sớm nhằm hạn chế rủi ro gián đoạn nguồn cung và biến động giá. Nhu cầu Kali chất lượng cao phục vụ cây công nghiệp xuất khẩu được dự báo tiếp tục chiếm ưu thế.

### ▪ *Diễn biến giá:*

Theo TS. Phùng Hà, Chủ tịch Hiệp hội Phân bón Việt Nam, giá dầu được dự báo tiếp tục biến động mạnh, kéo theo giá khí tự nhiên tăng và làm gia tăng chi phí sản xuất phân bón, đặc biệt đối với urê và amoniac. Đồng thời, cước vận tải đường bộ và đường biển có xu hướng tăng do rủi ro chiến sự và phí bảo hiểm cao hơn, qua đó đẩy giá bán đến đại lý và nông dân.

Giá lưu huỳnh được dự báo duy trì ở mức cao trong ngắn hạn do bất ổn tại các quốc gia xuất khẩu dầu khí vùng Vịnh, làm tăng chi phí sản xuất tại các nhà máy trong nước.

Trong bối cảnh nguồn cung quốc tế thiếu ổn định, giá Kali hạt miêng có thể vượt 650.000 VNĐ/bao vào cao điểm mùa mưa (tháng 4-5). Tâm lý phòng ngừa rủi ro có thể khiến nguồn hàng lưu thông trên thị trường bán lẻ tạm thời thu hẹp.

## 4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

### 4.1. Thông tin trong kỳ

#### 4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 02/2026, thị trường điện tại châu Phi ghi nhận nhiều thách thức về nguồn cung khi hệ thống điện của Nigeria đối mặt với tình trạng thiếu nhiên liệu cho các nhà máy điện khí. Theo thông tin từ cơ quan vận hành hệ thống điện Nigeria, các nhà máy điện khí trong nước chỉ nhận được khoảng 692 triệu feet khối khí/ngày, tương đương 43% nhu cầu nhiên liệu cần thiết (1,63 tỷ feet khối/ngày).

Trong khi đó, tại Hoa Kỳ, thị trường điện tiếp tục thu hút sự quan tâm lớn của các nhà đầu tư khi nhu cầu điện gia tăng nhanh, đặc biệt do sự mở rộng của các trung tâm dữ liệu và hạ tầng trí tuệ nhân tạo (AI). Tháng 02/2026 ghi nhận một thương vụ đáng chú ý khi các quỹ đầu tư lớn như BlackRock Global Infrastructure Partners (GIP) và EQT công bố kế hoạch mua lại công ty điện lực AES Corporation với tổng giá trị khoảng 33,3 tỷ USD.

Bên cạnh đó, thị trường điện toàn cầu cũng đang trải qua quá trình chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu nguồn điện. Nhiều quốc gia tiếp tục mở rộng các nguồn năng lượng tái tạo và điện hạt nhân, trong khi hệ thống điện cần được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu điện ngày càng tăng và đảm bảo an ninh năng lượng trong bối cảnh kinh tế và địa chính trị toàn cầu có nhiều biến động.

#### 4.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 02/2026, hệ thống điện quốc gia Việt Nam ghi nhận mức phụ tải và sản lượng điện ở mức cao khi nhu cầu tiêu thụ điện gia tăng cùng với hoạt động sản xuất và tiêu dùng sau Tết Nguyên đán.

Theo dữ liệu vận hành của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), vào ngày 26/02, công suất phụ tải cực đại của hệ thống điện đạt khoảng 45.267 MW, trong khi tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu trong ngày đạt khoảng 875,4 triệu kWh.

Ngoài ra, nhu cầu điện trong nước cũng có xu hướng tăng trong các dịp lễ, tết và thời tiết lạnh. Theo thông tin từ Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC), trong kỳ nghỉ Tết Bính Ngọ 2026, sản lượng điện tiêu thụ toàn quốc tăng khoảng 11% so với dịp Tết năm 2025, phản ánh nhu cầu sử dụng điện gia tăng trong sinh hoạt và dịch vụ.

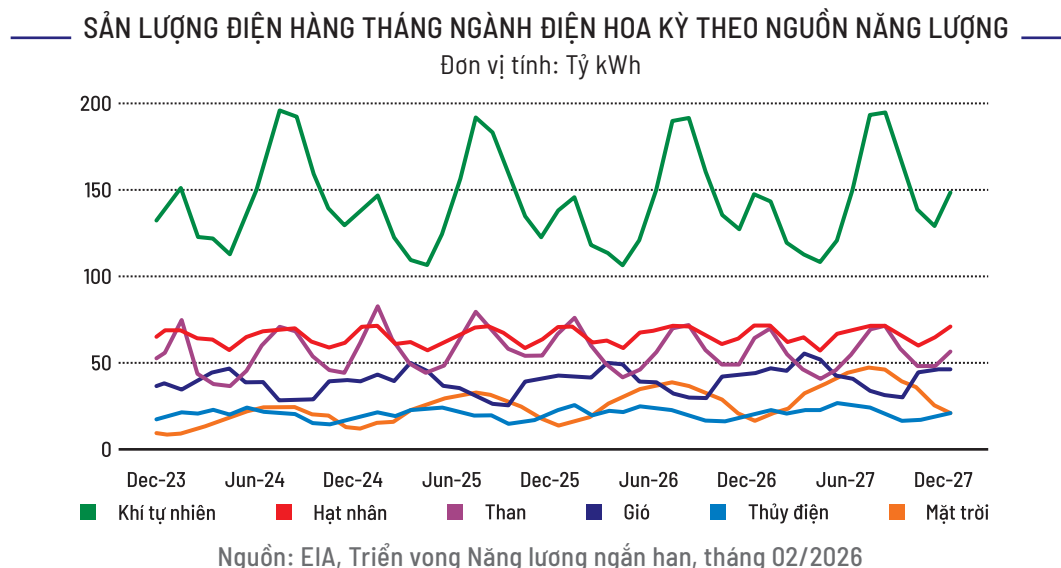
Bên cạnh đó, EVN cũng đang tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng lưới điện nhằm nâng cao khả năng truyền tải và giải tỏa công suất các nguồn điện. Theo thông tin công bố trong tháng 02/2026, trong năm 2026 EVN dự kiến khởi công khoảng 295 công trình và đóng điện 303 công trình lưới điện, trong đó nhiều dự án liên quan đến giải tỏa công suất các nguồn điện lớn và tăng cường kết nối hệ thống truyền tải.

## 4.2. Dự báo

### 4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 02/2026, nhiều tổ chức năng lượng quốc tế nhận định nhu cầu điện toàn cầu sẽ tiếp tục tăng mạnh trong những năm tới do quá trình điện khí hóa và sự phát triển nhanh của các công nghệ số.

Theo báo cáo Ngành điện 2026 của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), nhu cầu điện toàn cầu trong giai đoạn 2026–2030 được dự báo tăng với tốc độ trung bình khoảng 3,6% mỗi năm, cao hơn mức tăng trưởng của nhiều loại năng lượng khác. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ nhu cầu điện trong lĩnh vực công nghiệp, điều hòa không khí, xe điện và trung tâm dữ liệu, đặc biệt tại các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á.



Bên cạnh đó, theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (EIA) trong báo cáo Triển vọng năng lượng ngắn hạn, *sản lượng điện của Mỹ* được dự báo tiếp tục tăng trong những năm tới nhằm đáp ứng nhu cầu điện ngày càng cao của nền kinh tế. Tổng sản lượng điện của khu vực điện lực Mỹ đạt khoảng **4.260 tỷ kWh trong năm 2025**, và **dự kiến tăng thêm khoảng 1,1% trong năm 2026 trước khi tiếp tục tăng 2,6% trong năm 2027**, đạt khoảng 4.423 tỷ kWh. Trong cơ cấu nguồn phát điện, năng lượng mặt trời được dự báo là nguồn tăng trưởng nhanh nhất, với sản lượng điện mặt trời dự kiến tăng hơn 20% mỗi năm trong giai đoạn 2026–2027, sau khi đã tăng khoảng 33% trong năm 2025 nhờ nhiều dự án công suất mới đi vào vận hành.

### 4.2.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 02/2026, theo kế hoạch vận hành hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương phê duyệt, tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2026 được xây dựng theo nhiều kịch bản khác nhau để đảm bảo đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng cao. Trong kịch bản cơ sở, tổng sản lượng điện toàn hệ thống năm 2026 dự kiến đạt khoảng 350 tỷ kWh, trong khi kịch bản phụ tải cao có thể lên tới khoảng 360,26 tỷ kWh.

Ngoài ra, theo báo cáo ngành điện của Chứng khoán Vietcombank (VCBS) công bố tháng 02/2026, các yếu tố như tình trạng thủy văn, nguồn cung than và tiến độ các dự án điện lớn sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình triển vọng ngành điện trong nửa đầu năm 2026. Về tình hình thời tiết, Viện Nghiên cứu Khí hậu Quốc tế (IRI) dự báo khả năng cao trạng thái Trung lập sẽ chiếm vai trò chủ đạo trong nửa đầu năm 2026. Đến tháng 4/2026, xác suất trạng thái Trung lập được ước tính lên tới 78%.

Bên cạnh đó, theo định hướng phát triển năng lượng quốc gia, Việt Nam sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống nguồn điện và lưới điện nhằm đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh trong trung và dài hạn. Theo Quy hoạch điện VIII, tổng nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển nguồn và lưới điện giai đoạn 2026–2030 ước khoảng 136 tỷ USD, trong đó phần lớn dành cho phát triển các nguồn điện mới và mở rộng hệ thống truyền tải.



## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 02/2026 vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, đặt ra không ít thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

*Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho Petrovietnam, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:*

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển chuỗi giá trị khí - điện - LNG nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của nền kinh tế. Với triển vọng tăng trưởng kinh tế tích cực và nhu cầu điện dự kiến tiếp tục mở rộng trong giai đoạn 2026 - 2030, Petrovietnam cần tăng tốc triển khai các dự án điện khí và hạ tầng LNG trọng điểm, đồng thời tối ưu hóa chuỗi cung ứng khí từ khai thác, nhập khẩu đến phát điện.
- Trong bối cảnh nhu cầu năng lượng toàn cầu vẫn duy trì ở mức cao và giá năng lượng có xu hướng biến động mạnh, việc mở rộng hoạt động tìm kiếm - thăm dò tại các bể trầm tích tiềm năng trong nước và khu vực sẽ giúp Petrovietnam củng cố nguồn tài nguyên, đảm bảo sản lượng khai thác ổn định và duy trì nguồn thu chủ lực.
- Với việc các tổ chức tài chính quốc tế đều đánh giá Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp và năng lượng. Petrovietnam có thể tận dụng xu hướng này để tăng cường hợp tác với các tập đoàn năng lượng toàn cầu trong các dự án LNG, điện khí, năng lượng tái tạo và công nghệ mới, qua đó nâng cao năng lực tài chính, công nghệ và quản trị dự án.
- Vì thị trường năng lượng thế giới còn nhiều biến động, việc tăng cường quản trị chi phí, tối ưu hóa vận hành các nhà máy lọc – hóa dầu, điện và khí sẽ giúp Petrovietnam nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời, việc đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành và dự báo thị trường cũng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của tập đoàn.
- Biến động giá dầu, khí và các sản phẩm năng lượng trên thị trường quốc tế ngày càng phức tạp, do đó Petrovietnam cần tiếp tục nâng cao năng lực dự báo thị trường, xây dựng các kịch bản kinh doanh linh hoạt và triển khai các

công cụ quản trị rủi ro phù hợp, giúp tập đoàn chủ động hơn trong việc điều chỉnh chiến lược kinh doanh, tối ưu hóa lợi nhuận và hạn chế tác động từ biến động thị trường.

- Với vị thế là tập đoàn năng lượng chủ lực của Việt Nam, Petrovietnam cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý trong việc xây dựng và triển khai các chính sách năng lượng, đồng thời tham gia tích cực vào các dự án hạ tầng năng lượng trọng điểm. Việc nâng cao vai trò điều phối và phát triển hệ thống năng lượng sẽ giúp Petrovietnam củng cố vị thế chiến lược trong quá trình phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

# BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 03/2026

## PHỤ LỤC I

### KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 02 NĂM 2026

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 02 năm 2026	2 tháng đầu năm 2026	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	81,6	101,0	110,4	-
3	<b>Hoạt động của doanh nghiệp</b>							
3.1	Thành lập mới	DN	11.307	64.484	46,8	111,6	129,4	-
3.2	Quay lại hoạt động	DN	6.166		25,1	87,4		-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	-	76.997	-	-	114,9	-
	- <i>Ngừng kinh doanh có thời hạn</i>	DN	4.257	58.472	7,8	119,8	102,8	-
	- <i>Chờ làm thủ tục giải thể</i>	DN	3.492	10.626	47,8	117,5	166,3	-
	- <i>Hoàn tất giải thể</i>	DN	3.290	7.899	71,1	189,4	210,2	-
4	<b>Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội</b>	<b>Nghìn tỷ</b>						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	38,9	83,5	-	100,4	111,5	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	6,03	-	-	112,6	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	3,21	-	-	108,8	-
5	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng</b>	<b>Nghìn tỷ</b>	<b>613,7</b>	<b>1.236,6</b>	<b>-</b>	<b>108,5</b>	<b>107,9</b>	<b>-</b>
6	<b>Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa</b>	<b>Tỷ USD</b>						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	33,06	76,36	76,3	105,7	118,3	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	34,10	79,34	75,4	104,4	126,3	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Nhập siêu 1,04	Nhập siêu 2,98	-	-	-	-
7	<b>Chỉ số giá</b>							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				101,14	103,35	102,94	101,19
7.2	Chỉ số giá vàng				111,42	188,42	182,67	117,01
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				99,11	102,31	102,74	98,82
7.4	Lạm phát cơ bản				100,82	103,74	103,47	-

A: Tháng 02/2026 so với tháng 01/2026

B: Tháng 02/2026 so với tháng 02/2025

C: Bình quân 2 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ

D: Tháng 02/2026 so với tháng 12/2025



Ảnh bìa: Tàu Mayuree Naree (Thái Lan)  
bốc cháy sau khi bị tấn công trên  
Eo biển Hormuz ngày 11/3.

[Nationthailand.com](https://www.nationthailand.com)



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM**  
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH**  
*phối hợp thực hiện*